

BÁO CÁO CÀ PHÊ

NĂM 2024

The logo for 'ipard' features the letters 'ip' in blue, a green stylized arrow pointing right, and the letters 'ard' in blue.

AGRO@NFO

Báo cáo được thực hiện bởi Trung tâm Thông tin và Phát triển
Nông nghiệp Nông thôn (AGROINFO)

MỤC LỤC

| | |
|-------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| I. NGÀNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI 2024..... | 5 |
| 1.1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ THẾ GIỚI NĂM 2024 | 5 |
| 1.1.1. Sản lượng cà phê khu vực Nam Mỹ..... | 5 |
| 1.1.2. Sản lượng cà phê khu vực châu Á và châu Đại Dương | 7 |
| 1.1.3. Sản lượng cà phê khu vực châu Phi | 7 |
| 1.1.4. Sản lượng cà phê khu vực Trung Mỹ và Mexico | 8 |
| 1.2. TÌNH HÌNH TIÊU THỤ CÀ PHÊ THẾ GIỚI..... | 10 |
| 1.2.1. Tiêu thụ cà phê khu vực Châu Phi | 11 |
| 1.2.2. Tiêu thụ cà phê khu vực Trung Mỹ và Mexico | 13 |
| 1.2.3. Tiêu thụ cà phê khu vực Nam Mỹ..... | 15 |
| 1.2.4. Tiêu thụ cà phê khu vực Bắc Mỹ | 18 |
| 1.2.5. Tiêu thụ cà phê khu vực châu Á và châu Đại Dương | 20 |
| 1.3. THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ THẾ GIỚI NĂM 2024..... | 25 |
| 1.3.1. Xuất khẩu cà phê thế giới năm 2023/2024..... | 25 |
| 1.3.2. Nhập khẩu cà phê thế giới năm 2024..... | 29 |
| 1.3.3. Cân bằng cung cầu cà phê thế giới năm 2024..... | 30 |
| 1.3.4. Biến động giá cà phê thế giới..... | 32 |
| II. NGÀNH CÀ PHÊ VIỆT NAM 2024..... | 33 |
| 2.1. TÌNH HÌNH SẢN XUẤT CÀ PHÊ..... | 33 |
| 2.1.1. Diện tích sản xuất cà phê | 33 |
| 2.1.2. Tình hình sản xuất cà phê khu vực Tây Nguyên | 35 |
| 2.1.3. Tình hình sản xuất cà phê tại vùng Trung du và miền núi phía bắc | 37 |



| | |
|--------------------------------------------------------------------------------|-----------|
| 2.1. SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ VIỆT NAM..... | 39 |
| 2.2. THƯƠNG MẠI CÀ PHÊ | 40 |
| 2.2.1. <i>Xuất khẩu cà phê Việt Nam</i> | 40 |
| 2.2.2. <i>Tình hình xuất khẩu cà phê Việt Nam trong niên vụ 2023/2024 ...</i> | 42 |
| 2.2.3. <i>Tình hình xuất khẩu của các doanh nghiệp trong niên vụ 2023/2024</i> | 43 |
| 2.3. DIỄN BIẾN GIÁ CÀ | 45 |
| 2.4. TỔNG QUAN CHÍNH SÁCH CÀ PHÊ..... | 46 |
| 2.4.1. <i>Các chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất chế biến cà phê.....</i> | 46 |
| 2.4.2. <i>Một số chính sách của các thị trường xuất khẩu</i> | 49 |
| III. TRIỂN VỌNG CÀ PHÊ NĂM 2025 | 51 |
| 3.1. THỊ TRƯỜNG THẾ GIỚI..... | 51 |
| 3.1.1. NHU CẦU TIÊU THỤ | 51 |
| 3.1.2. XU HƯỚNG PHÁT TRIỂN CỦA CÁC KÊNH PHÂN PHỐI..... | 52 |
| 3.1.3. XU HƯỚNG LOẠI SẢN PHẨM, HÀNG HÓA CHẤT LƯỢNG | 53 |
| 3.2. THỊ TRƯỜNG VIỆT NAM..... | 54 |



DANH SÁCH BẢNG BIỂU

Bảng 1: Cân bằng sản xuất – tiêu dùng cà phê thế giới (ĐVT: triệu bao) ...31

Bảng 2: Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê trong niên vụ 2023/2024...44

**DANH SÁCH HÌNH**

| | |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------|----|
| Hình 1: Sản xuất cà phê thế giới từ niên vụ 2018/19 đến 2023/24 | 5 |
| Hình 2: Sản xuất cà phê khu vực Nam Mỹ..... | 6 |
| Hình 3: Sản lượng cà phê khu vực châu Á và châu Đại Dương..... | 7 |
| Hình 4: Sản lượng cà phê khu vực châu Phi..... | 8 |
| Hình 5: Sản lượng cà phê khu vực Trung Mỹ và Mexico | 9 |
| Hình 6: Tiêu thụ cà phê toàn cầu | 10 |
| Hình 7: Tiêu thụ cà phê châu Phi..... | 13 |
| Hình 8. Tiêu thụ cà phê của khu vực Trung Mỹ và Mexico..... | 15 |
| Hình 9: Tiêu thụ cà phê khu vực Nam Mỹ | 18 |
| Hình 10: Tiêu thụ cà phê khu vực Bắc Mỹ..... | 19 |
| Hình 11. Tiêu thụ cà phê khu vực châu Á và châu Đại Dương..... | 25 |
| Hình 12: Xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu niên vụ 2020/2021 đến 2023/2024 | 27 |
| Hình 13: Tỷ lệ xuất khẩu các chủng loại cà phê toàn cầu | 29 |
| Hình 14: Nhập khẩu cà phê của các nước trong niên vụ 2023/2024..... | 30 |
| Hình 15: Diễn biến giá cà phê robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ tháng 1/2024 đến nay | 33 |
| Hình 16: Diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam..... | 34 |
| Hình 17: Diện tích gieo trồng cà phê phân theo vùng | 35 |
| Hình 18: Diện tích trồng cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2019-2022..... | 37 |



Hình 19: Diện tích trồng cà phê tại các tỉnh Trung du và miền núi phía bắc giai đoạn 2018-202338

Hình 20: Sản lượng Việt Nam39

Hình 21: Sản lượng cà phê Việt Nam theo các vùng sản xuất40

Hình 22: Xuất khẩu cà phê theo lượng và kim ngạch41

Hình 23: Giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2023-202442

Hình 24: Giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2023-202443

Hình 25: Biến động giá cà phê nhân xô thu mua của một số thị trường trong nước46



I. NGÀNH CÀ PHÊ THẾ GIỚI 2024

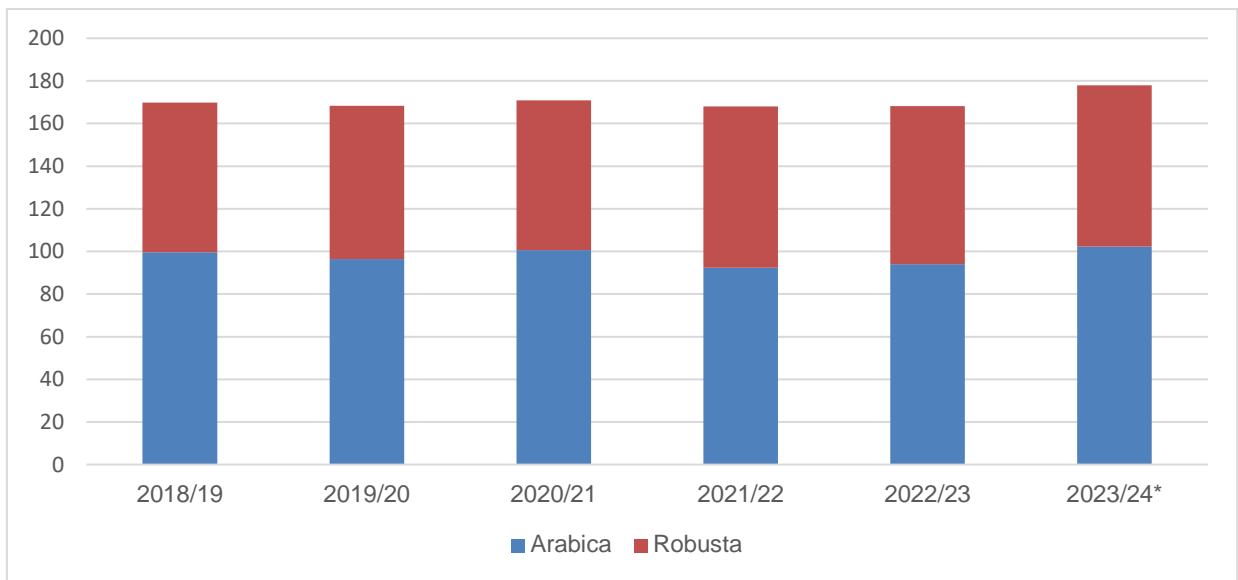
1.1. Tình hình sản xuất cà phê thế giới năm 2024

Sản lượng cà phê toàn cầu niên vụ 2023/2024 đạt 178 triệu bao (loại 60kg), tăng nhẹ 5,8% so với niên vụ trước (168,2 triệu bao).

Cụ thể, sản lượng cà phê Arabica đạt 102,2 triệu bao, chiếm 57,4% tổng sản lượng, tăng trưởng 8,8% so với niên vụ 2022/2023. Sản lượng cà phê Robusta đạt 75,8 triệu bao, chiếm 42,6% tổng sản lượng, tăng 2,1% so với niên vụ trước.

Sự tăng trưởng trong sản lượng cà phê toàn cầu được thúc đẩy bởi điều kiện thời tiết thuận lợi ở các khu vực sản xuất chính, đặc biệt là Brazil - nhà sản xuất Arabica hàng đầu thế giới. Bên cạnh đó, sự cải thiện trong kỹ thuật canh tác và đầu tư vào cơ sở hạ tầng nông nghiệp cũng góp phần quan trọng vào mức tăng sản lượng. Tuy nhiên, nguồn cung cà phê Robusta tăng chậm hơn do sản lượng cà phê Robusta từ Việt Nam, quốc gia sản xuất cà phê Robusta trên thế giới có sản lượng giảm.

Hình 1: Sản xuất cà phê thế giới từ niên vụ 2018/19 đến 2023/24



Nguồn: ICO, 2024

1.1.1. Sản lượng cà phê khu vực Nam Mỹ

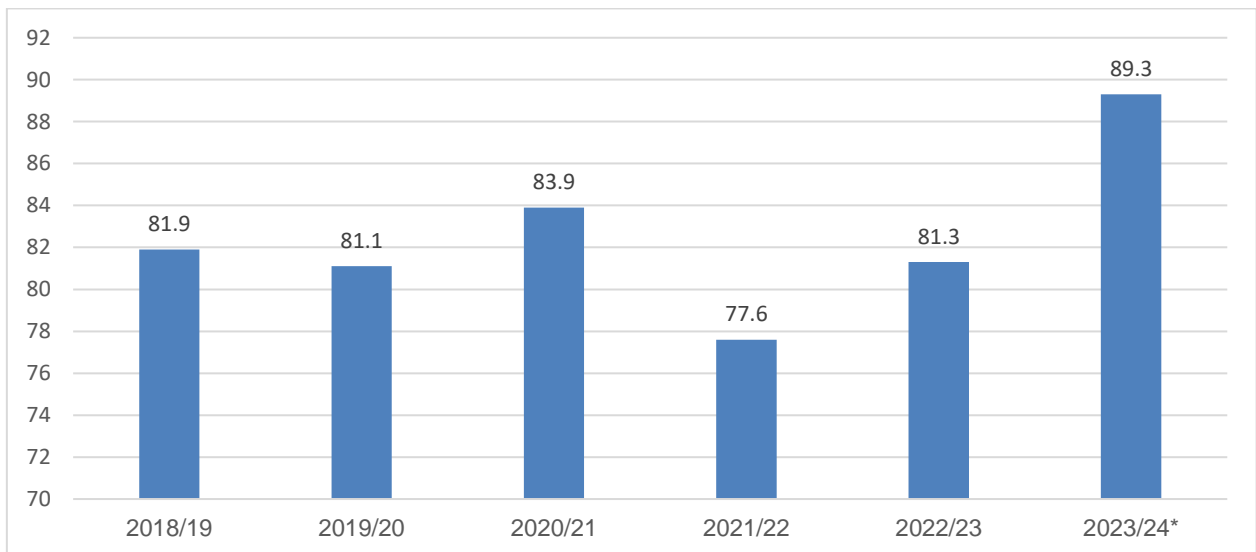


Niên vụ 2023/2024 tiếp tục khẳng định Nam Mỹ là khu vực sản xuất cà phê lớn nhất thế giới, với sản lượng đạt 89,3 triệu bao, chiếm 50,2% tổng sản lượng cà phê toàn cầu và tăng 9,8% so với niên vụ trước. Sự tăng trưởng này phản ánh rõ nét qua các biến động giữa các loại cà phê và các quốc gia trong khu vực. Tại Brazil, sản lượng cà phê dự kiến đạt 66,3 triệu bao, tăng 3,7 triệu bao so với cùng kỳ niên vụ trước. Trong đó, sản lượng cà phê Arabica đạt 44,9 triệu bao, tăng 5,1 triệu bao nhờ điều kiện canh tác thuận lợi. Ngược lại, sản lượng cà phê Robusta giảm 1,4 triệu bao, xuống còn 21,4 triệu bao, do ảnh hưởng tiêu cực từ điều kiện thời tiết, bao gồm lượng mưa thấp và nhiệt độ thấp trong giai đoạn ra hoa tại các khu vực trồng trọt chủ chốt.

Tại Colombia, sản lượng cà phê được dự báo đạt 13,6 triệu bao, tăng hơn 20% so với 11,3 triệu bao của niên vụ trước. Sự tăng trưởng này phần lớn được thúc đẩy bởi các biện pháp cải thiện khả năng chống chịu của cây cà phê trước biến đổi khí hậu và sâu bệnh. Những số liệu trên không chỉ cho thấy xu hướng gia tăng sản lượng cà phê tại Nam Mỹ mà còn nhấn mạnh vai trò chiến lược của khu vực trong chuỗi cung ứng cà phê toàn cầu..

Hình 2: Sản xuất cà phê khu vực Nam Mỹ

DVT: Triệu bao



Nguồn: ICO

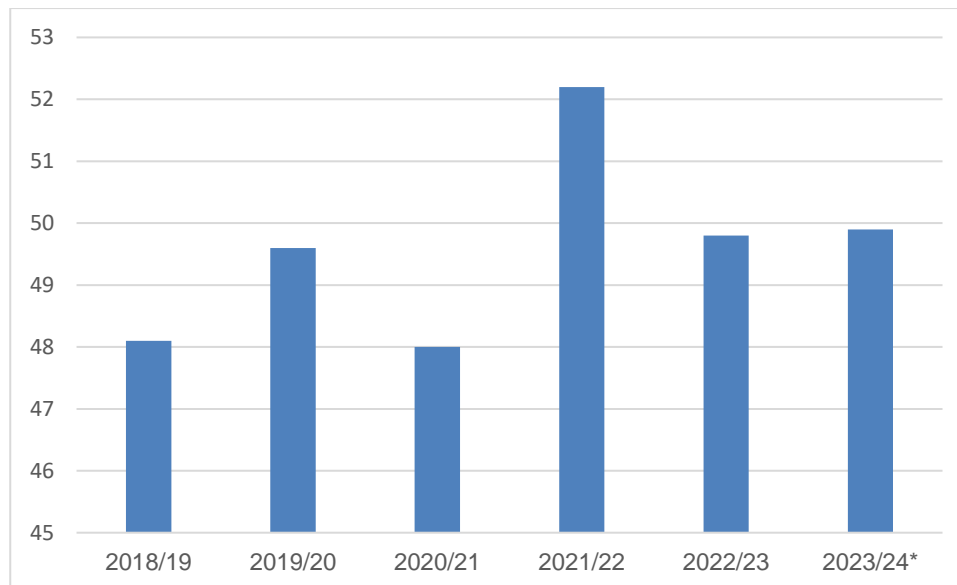


1.1.2. Sản lượng cà phê khu vực châu Á và châu Đại Dương

Sản lượng cà phê niên vụ 2023/2024 tại khu vực châu Á - Thái Bình Dương đạt 49,9 triệu bao, tăng 0,3% so với niên vụ trước. Các quốc gia trong khu vực này, bao gồm Việt Nam, Indonesia, và Ấn Độ, tiếp tục là những nhà sản xuất cà phê lớn, đóng góp đáng kể vào tổng sản lượng toàn cầu. Việt Nam dẫn đầu khu vực với sản lượng ước tính khoảng 30 triệu bao, chủ yếu là cà phê Robusta. Indonesia đứng thứ hai với sản lượng dự báo khoảng 12 triệu bao, cũng chủ yếu là Robusta, trong khi Ấn Độ ước tính sản lượng khoảng 5,5 triệu bao, bao gồm cả hai loại cà phê Arabica và Robusta. Bên cạnh đó, các quốc gia nhỏ hơn như Papua New Guinea và Timor Leste đóng góp một phần nhỏ vào tổng sản lượng cà phê khu vực, khoảng 2-3 triệu bao.

Hình 3: Sản lượng cà phê khu vực châu Á và châu Đại Dương

ĐVT: Nghìn bao



Nguồn: ICO

1.1.3. Sản lượng cà phê khu vực châu Phi

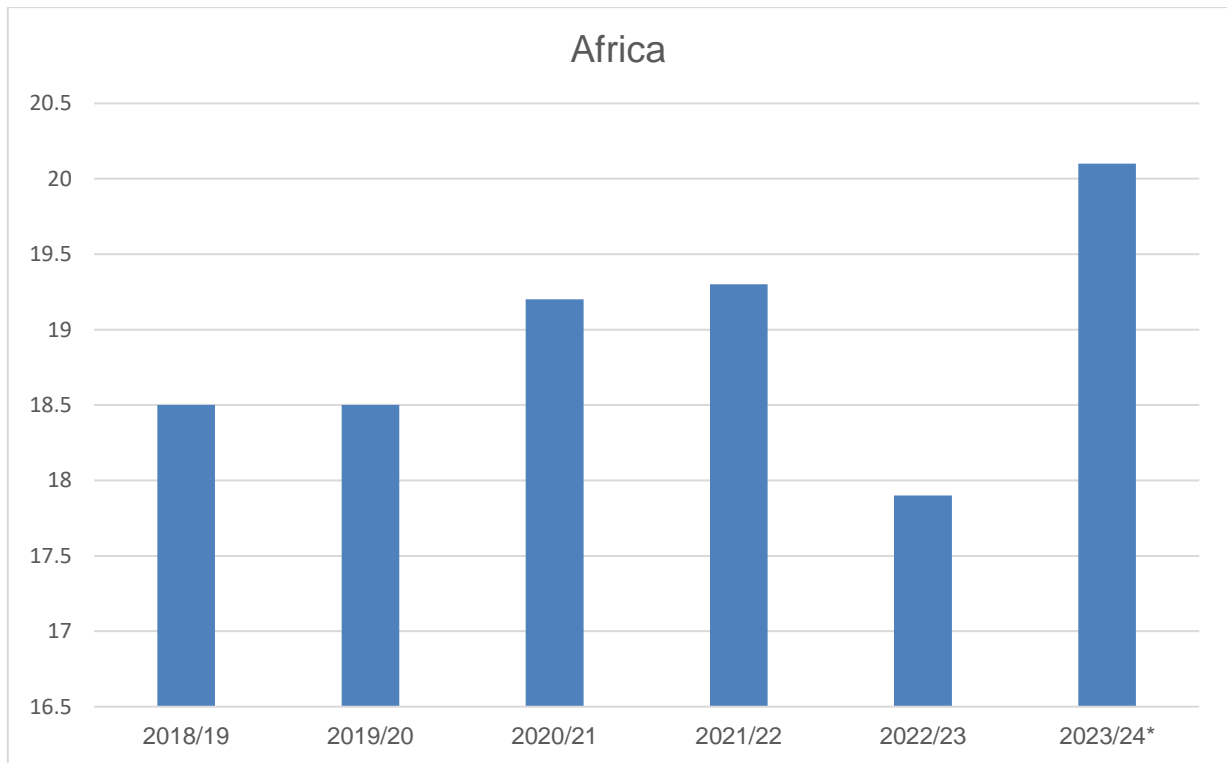
Sản lượng cà phê của khu vực Châu Phi trong niên vụ 2023/2024 dự kiến đạt khoảng 18,7 triệu bao, giảm 2,5% so với niên vụ trước do một số yếu tố tác động như biến đổi khí hậu và sự thay đổi trong phương thức canh tác.



Châu Phi chủ yếu sản xuất cà phê Arabica, với các quốc gia như Ethiopia, Uganda, và Cộng hòa Dân chủ Congo là những nhà sản xuất lớn trong khu vực. Ethiopia, quốc gia được coi là quê hương của cà phê, tiếp tục là nước sản xuất cà phê lớn nhất tại châu lục, với sản lượng khoảng 7 triệu bao trong niên vụ 2023/2024. Uganda, với sản lượng cà phê ước tính khoảng 5,6 triệu bao, chủ yếu sản xuất cà phê Robusta. Các quốc gia khác như Cộng hòa Dân chủ Congo và Kenya cũng đóng góp vào sản lượng cà phê của khu vực nhưng không lớn.

Hình 4: Sản lượng cà phê khu vực châu Phi

ĐVT: triệu bao



Nguồn: ICO

1.1.4. Sản lượng cà phê khu vực Trung Mỹ và Mexico

Sản lượng cà phê của khu vực Trung Mỹ và Mexico trong niên vụ 2023/2024 ước tính đạt khoảng 18,7 triệu bao, đánh dấu sự giảm nhẹ so với niên vụ trước, giảm 2,5%. Khu vực này, chủ yếu sản xuất cà phê Arabica, tiếp tục đóng vai trò quan trọng trong ngành cà phê toàn cầu, đặc biệt là trong các thị trường cao cấp. Các quốc

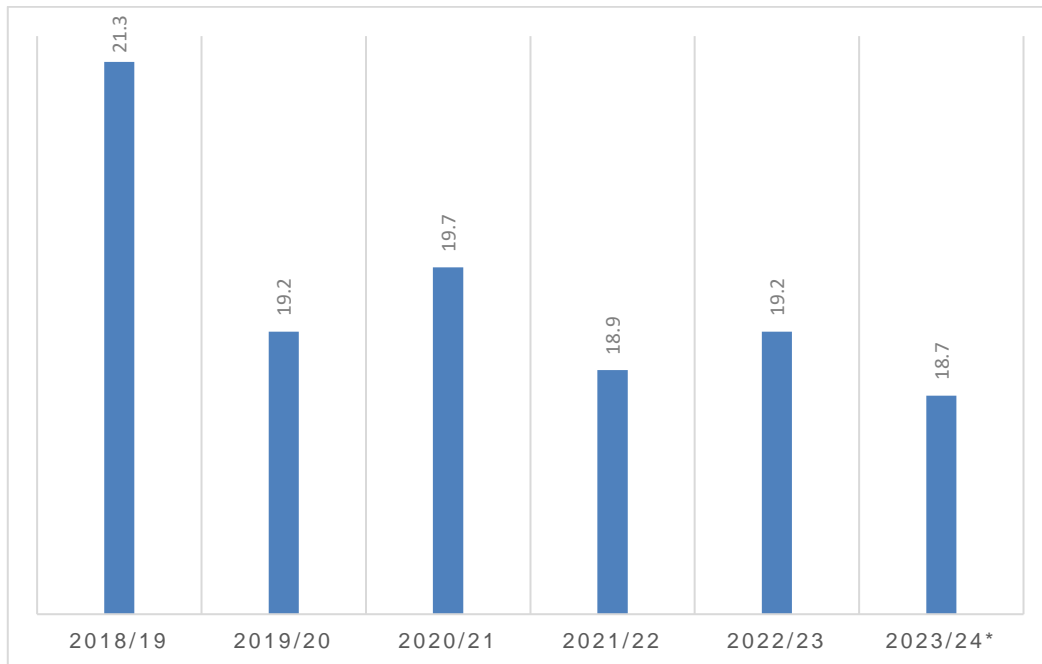


gia sản xuất cà phê chủ yếu trong khu vực bao gồm Mexico, Honduras, Guatemala, Costa Rica, và Nicaragua.

Cụ thể, Mexico ước tính sẽ sản xuất khoảng 4 triệu bao, với đa số là cà phê Arabica. Mặc dù sản lượng giảm nhẹ so với các niên vụ trước, Mexico vẫn duy trì vị thế vững chắc trong chuỗi cung ứng cà phê toàn cầu. Honduras, quốc gia sản xuất cà phê lớn thứ hai trong khu vực, dự báo sản lượng đạt 7 triệu bao, mặc dù đối mặt với các vấn đề về dịch bệnh và điều kiện khí hậu không thuận lợi. Guatemala và Costa Rica, hai quốc gia nổi bật về chất lượng cà phê, ước tính sản lượng lần lượt đạt 3,5 triệu bao và 1,7 triệu bao, với việc tiếp tục duy trì các tiêu chuẩn cao trong sản xuất cà phê Arabica.

Những thay đổi trong sản lượng cà phê khu vực này có sự ảnh hưởng từ nhiều yếu tố, bao gồm các hiện tượng khí hậu cực đoan, bệnh rỉ sắt lá cà phê (coffee leaf rust), và các vấn đề liên quan đến quản lý nông nghiệp. Sự biến động trong sản lượng của các quốc gia trong khu vực này cũng phản ánh ảnh hưởng của các yếu tố kinh tế vĩ mô toàn cầu và sự thay đổi trong chiến lược canh tác.

Hình 5: Sản lượng cà phê khu vực Trung Mỹ và Mexico



Nguồn: ICO

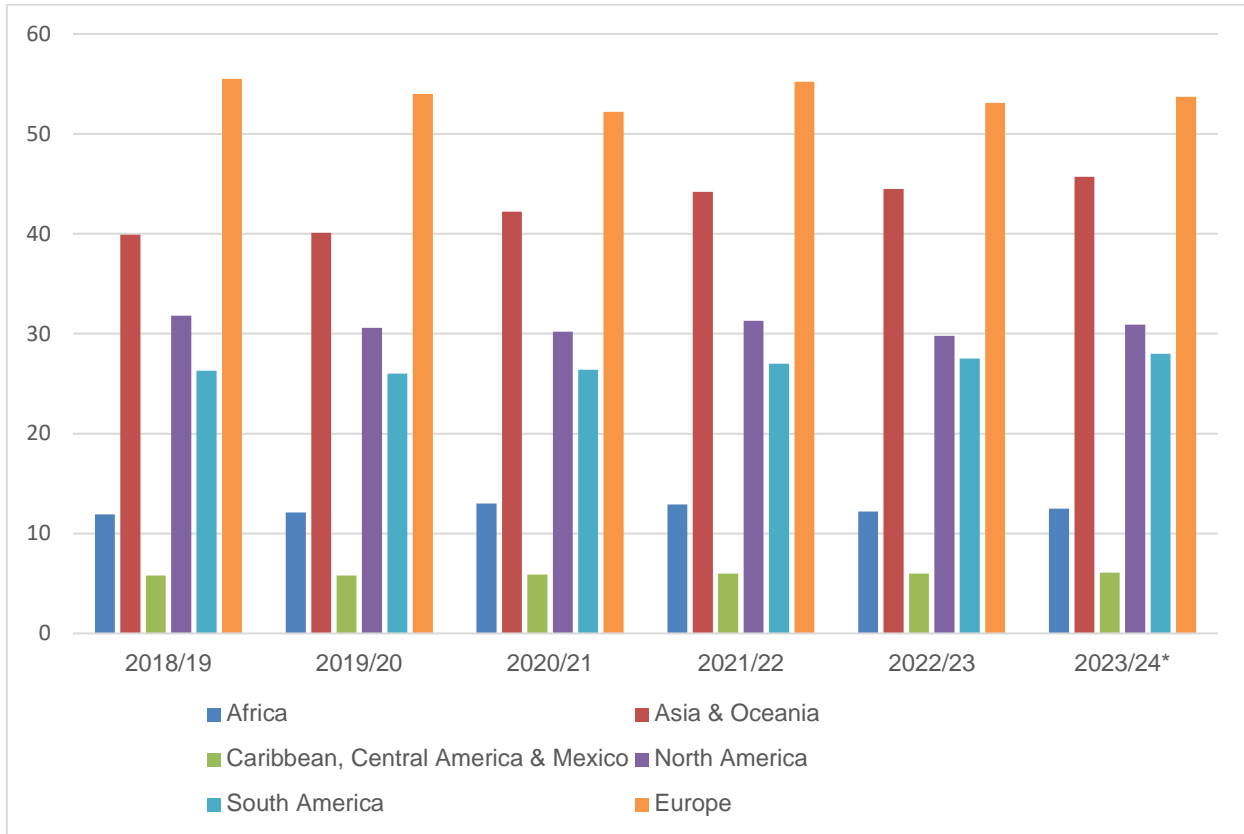


1.2. Tình hình tiêu thụ cà phê thế giới

Theo ICO, trong niên vụ 2023/2024, tiêu thụ cà phê toàn cầu dự báo tiếp tục gia tăng, với tổng lượng tiêu thụ ước tính đạt khoảng 177 triệu bao.

Hình 6: Tiêu thụ cà phê toàn cầu

ĐVT: triệu bao



Nguồn: ICO

Sự phân bố tiêu thụ cà phê theo từng loại cà phê thể hiện sự khác biệt rõ rệt giữa các khu vực và thị trường, chủ yếu là cà phê Arabica, cà phê Robusta, và cà phê đặc sản, với các yếu tố như sở thích tiêu dùng, xu hướng thị trường và nhu cầu các khu vực đóng vai trò quyết định.

Cà phê Arabica tiếp tục chiếm ưu thế trong thị trường toàn cầu, ước tính chiếm khoảng 60% - 65% tổng lượng tiêu thụ cà phê. Loại cà phê này được ưa chuộng chủ yếu ở các thị trường phát triển như Hoa Kỳ, Châu Âu, và Nhật Bản, nơi người tiêu



dùng có xu hướng ưu tiên các sản phẩm cà phê có hương vị nhẹ nhàng, tinh tế và độ chua cao. Cà phê Arabica thường được trồng ở các vùng đất cao nguyên có khí hậu mát mẻ, chẳng hạn như Brazil, Colombia, và Ethiopia, nơi các điều kiện tự nhiên thuận lợi cho việc phát triển loại cà phê này.

Trong khi đó, cà phê Robusta chiếm khoảng 35% - 40% tổng tiêu thụ cà phê toàn cầu, với sự tiêu thụ chủ yếu tại các thị trường đang phát triển. Các quốc gia như Việt Nam, Indonesia, và Ấn Độ là những nhà tiêu thụ chính của Robusta, đặc biệt là trong các sản phẩm cà phê hòa tan và espresso. Cà phê Robusta có đặc điểm hương vị đậm đà, mạnh mẽ và hàm lượng caffeine cao hơn so với Arabica, điều này giúp nó trở thành lựa chọn phổ biến cho các sản phẩm cà phê pha chế nhanh và mạnh, đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng ưa chuộng sự tiện lợi và đậm đà.

Bên cạnh đó, cà phê đặc sản (specialty coffee), mặc dù chỉ chiếm khoảng 10% trong tổng tiêu thụ cà phê toàn cầu, nhưng lại là phân khúc đang có xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ, đặc biệt ở các khu vực như Bắc Mỹ, Châu Âu, và Úc. Cà phê đặc sản chủ yếu là Arabica, được trồng tại các vùng có điều kiện tự nhiên đặc biệt, đảm bảo chất lượng và hương vị độc đáo. Người tiêu dùng cà phê đặc sản thường chú trọng đến nguồn gốc và quy trình chế biến, từ đó tạo ra một thị trường cao cấp với những yêu cầu về chất lượng và tiêu chuẩn rất khắt khe.

Cuối cùng, cà phê hòa tan tiếp tục chiếm tỷ trọng lớn ở các thị trường đang phát triển, đặc biệt ở Châu Á, Nga, và một số quốc gia Đông Âu. Cà phê hòa tan chủ yếu sử dụng Robusta, vì loại cà phê này có giá thành thấp hơn và dễ chế biến thành cà phê hòa tan. Sự tiêu thụ cà phê hòa tan tại các khu vực này chủ yếu phục vụ cho nhu cầu tiêu dùng nhanh chóng và tiện lợi, đặc biệt là trong các phân khúc tiêu dùng giá rẻ.

1.2.1. Tiêu thụ cà phê khu vực Châu Phi

Niên vụ 2023/2024, tiêu thụ cà phê khu vực Châu Phi tăng 2,7% đạt 12,5 triệu bao. Mặc dù, Châu Phi chủ yếu được biết đến như là nơi sản xuất cà phê, đặc biệt là cà phê Arabica, các quốc gia trong khu vực này cũng đang chứng kiến sự thay đổi trong xu hướng tiêu thụ, đặc biệt là trong các thị trường đang phát triển và các thành



phổ lớn. Cà phê không chỉ phục vụ cho nhu cầu tiêu thụ nội địa mà còn đóng góp quan trọng vào xuất khẩu của nhiều quốc gia trong khu vực.

1.2.1.1. Ethiopia

Ethiopia, quốc gia sản xuất cà phê lớn nhất Châu Phi và được xem là "quê hương" của cà phê Arabica, tiếp tục là một trong những thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất tại khu vực này. Tiêu thụ cà phê trong nước dự báo sẽ đạt khoảng 7 triệu bao trong niên vụ 2023/2024, tăng nhẹ so với niên vụ trước. Cà phê không chỉ là một mặt hàng nông sản chủ lực mà còn là một phần không thể thiếu trong văn hóa và đời sống hàng ngày của người dân Ethiopia. Người tiêu dùng Ethiopia chủ yếu tiêu thụ cà phê Arabica, thường qua các phương thức chế biến thủ công, với các nghi thức uống cà phê truyền thống như "coffee ceremony".

1.2.1.2. Nigeria

Nigeria, một quốc gia lớn ở Tây Phi, đang chứng kiến sự gia tăng trong tiêu thụ cà phê trong những năm gần đây. Mặc dù sản lượng cà phê của Nigeria không lớn như Ethiopia, nhu cầu tiêu thụ nội địa đã tăng lên, đặc biệt trong các thành phố lớn như Lagos và Abuja. Tiêu thụ cà phê tại Nigeria ước tính sẽ đạt 1,5 triệu bao trong niên vụ 2023/2024, chủ yếu là cà phê Robusta, loại cà phê chiếm ưu thế tại quốc gia này. Sự gia tăng tiêu thụ chủ yếu đến từ sự chuyển dịch trong thói quen tiêu dùng và sự phát triển của các chuỗi cà phê, với nhu cầu sử dụng cà phê hòa tan và các loại cà phê chế biến sẵn.

1.2.1.3. Uganda

Uganda, quốc gia đứng thứ hai về sản lượng cà phê tại Châu Phi, cũng ghi nhận sự gia tăng trong tiêu thụ cà phê trong nước. Tiêu thụ cà phê tại Uganda dự báo sẽ đạt khoảng 2 triệu bao trong niên vụ 2023/2024. Cà phê Robusta là loại cà phê chủ yếu được tiêu thụ trong nước, đặc biệt trong các thị trường nội địa và khu vực lân cận. Bên cạnh việc sản xuất chủ yếu cho xuất khẩu, Uganda cũng đang chứng kiến sự gia tăng trong nhu cầu tiêu thụ cà phê nội địa, đặc biệt là trong các khu vực



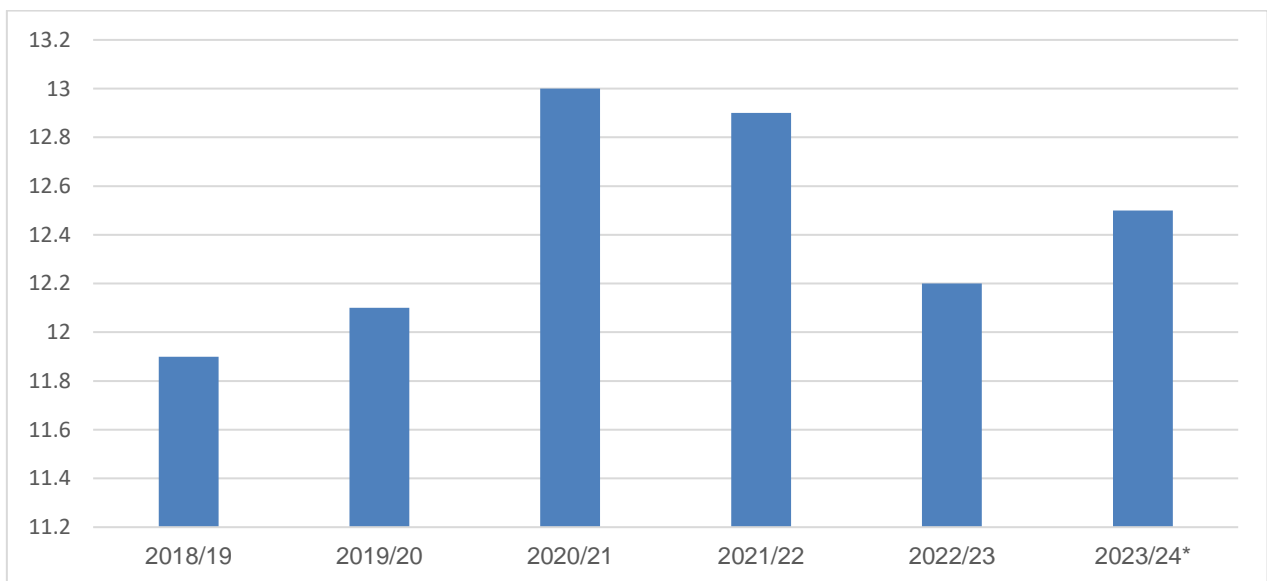
đô thị và các quán cà phê, phản ánh sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng và sự phát triển của các dịch vụ cà phê.

1.2.1.4. Kenya

Kenya, mặc dù có sản lượng cà phê nhỏ hơn so với các quốc gia như Ethiopia hay Uganda, nhưng vẫn duy trì mức tiêu thụ đáng kể trong nước. Tiêu thụ cà phê tại Kenya ước tính đạt khoảng 1,2 triệu bao trong niên vụ 2023/2024. Cà phê Kenya, chủ yếu là Arabica, được đánh giá cao với chất lượng hương vị đặc biệt, và nhu cầu tiêu thụ cà phê của người dân Kenya đang ngày càng tăng, đặc biệt là trong các khu vực thành thị. Các quán cà phê đặc sản đang trở thành một phần quan trọng trong văn hóa tiêu thụ cà phê của người dân Kenya.

Hình 7: Tiêu thụ cà phê châu Phi

ĐVT: Triệu bao



Nguồn: ICO

1.2.2. Tiêu thụ cà phê khu vực Trung Mỹ và Mexico

Đối với vùng Trung Mỹ và Mexico, tiêu thụ cà phê tăng 0,3% trong niên vụ 2023/2024, đạt 6,1 triệu bao tăng 1,67% so với niên vụ trước. Khu vực Trung Mỹ và Mexico là một trong những khu vực tiêu thụ cà phê quan trọng của thế giới, đặc biệt là các quốc gia có sản lượng cà phê lớn như Mexico, Guatemala, Honduras, và



Costa Rica. Tiêu thụ cà phê tại khu vực này không chỉ phục vụ nhu cầu nội địa mà còn phản ánh sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng và xu hướng phát triển của ngành cà phê, đặc biệt trong các thị trường đô thị của khu vực này.

1.2.2.1. Mexico

Mexico là một trong những quốc gia tiêu thụ cà phê lớn nhất tại khu vực Trung Mỹ, với nhu cầu cà phê trong nước tiếp tục tăng trưởng ổn định. Tiêu thụ cà phê tại Mexico ước tính sẽ đạt khoảng 5 triệu bao trong niên vụ 2023/2024, tăng nhẹ so với năm trước. Cà phê tiêu thụ tại Mexico chủ yếu là Arabica, được sản xuất trong các vùng cao nguyên của quốc gia này. Cà phê ở Mexico có sự kết hợp giữa tiêu thụ truyền thống và các sản phẩm cà phê chế biến sẵn, bao gồm cà phê hòa tan và cà phê espresso. Sự phát triển của các chuỗi cà phê hiện đại và xu hướng tiêu thụ cà phê đặc sản tại các thành phố lớn như Mexico City cũng góp phần thúc đẩy nhu cầu trong nước.

1.2.2.2. Guatemala

Guatemala, một quốc gia nổi tiếng với chất lượng cà phê Arabica, cũng chứng kiến sự gia tăng trong tiêu thụ cà phê trong nước. Tiêu thụ cà phê tại Guatemala dự báo sẽ đạt khoảng 2,5 triệu bao trong niên vụ 2023/2024. Cà phê tại Guatemala chủ yếu được tiêu thụ trong các khu vực đô thị và các thành phố lớn, nơi các quán cà phê đặc sản và chuỗi cà phê phát triển mạnh mẽ. Thị trường cà phê của Guatemala cũng phản ánh sự phát triển mạnh mẽ của văn hóa cà phê trong nước, với người tiêu dùng ngày càng chú trọng đến chất lượng cà phê, đặc biệt là các sản phẩm cà phê đặc sản, có xuất xứ rõ ràng và quy trình chế biến tiên tiến.

1.2.2.3. Honduras

Honduras, quốc gia sản xuất cà phê lớn thứ hai tại khu vực Trung Mỹ, cũng chứng kiến sự gia tăng tiêu thụ cà phê trong nước. Tiêu thụ cà phê tại Honduras ước tính sẽ đạt khoảng 1,5 triệu bao trong niên vụ 2023/2024. Cà phê tiêu thụ chủ yếu là Arabica và một phần nhỏ là Robusta. Mặc dù Honduras chủ yếu sản xuất cà phê để xuất khẩu, nhu cầu tiêu thụ cà phê trong nước đã tăng lên nhờ vào sự phát triển của



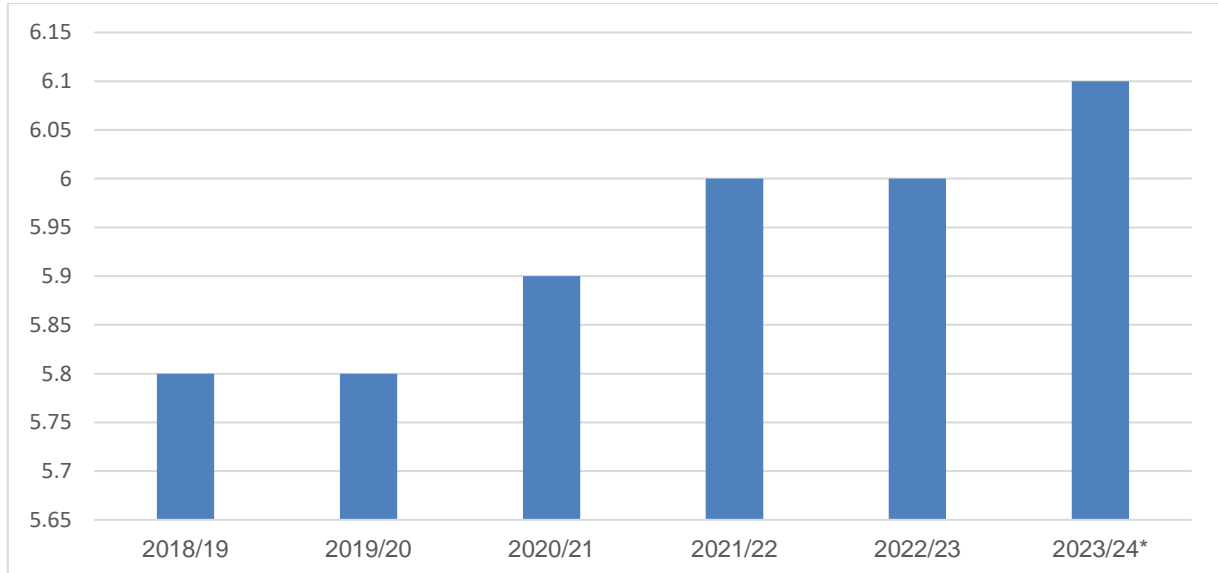
các quán cà phê, cửa hàng cà phê đặc sản và xu hướng tiêu thụ cà phê sạch và bền vững. Các thành phố lớn như Tegucigalpa và San Pedro Sula ghi nhận sự gia tăng trong số lượng quán cà phê, phản ánh sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng.

1.2.2.4. Costa Rica

Costa Rica là quốc gia có sản lượng cà phê cao và có sự tiêu thụ ổn định trong nước. Tiêu thụ cà phê tại Costa Rica trong niên vụ 2023/2024 dự báo sẽ đạt khoảng 1,2 triệu bao. Cà phê Arabica là loại cà phê chính được tiêu thụ tại Costa Rica, nơi người tiêu dùng ưa chuộng các sản phẩm cà phê đặc sản. Ngoài nhu cầu trong nước, Costa Rica còn nổi bật với ngành cà phê chất lượng cao xuất khẩu, đặc biệt là cà phê từ các vùng cao nguyên như Tarrazú và Central Valley. Thị trường cà phê đặc sản tại Costa Rica đang phát triển mạnh, với sự gia tăng trong số lượng các quán cà phê đặc sản và các sự kiện thưởng thức cà phê được tổ chức định kỳ.

Hình 8. Tiêu thụ cà phê của khu vực Trung Mỹ và Mexico

ĐVT: Triệu bao



Nguồn ICO

1.2.3. Tiêu thụ cà phê khu vực Nam Mỹ

Tiêu thụ cà phê của Nam Mỹ tăng 1,83% trong niên vụ cà phê 2022/23, với mức tiêu thụ đạt 28 triệu bao. Mặc dù ảnh hưởng của tình hình lạm phát và những



biến động về kinh tế trong niên vụ 2023/2024 nhưng tiêu thụ cà phê của Nam Mỹ vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng ổn định kể.

Nam Mỹ là một trong những khu vực tiêu thụ cà phê quan trọng trên thế giới, đặc biệt là tại các quốc gia như Brazil, Argentina, Colombia, và Peru. Đây là các quốc gia không chỉ có sản lượng cà phê lớn mà còn là những thị trường tiêu thụ nội địa phát triển, phản ánh sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng cà phê của người dân và sự phát triển của ngành cà phê.

1.2.3.1. Brazil

Brazil, quốc gia sản xuất và xuất khẩu cà phê lớn nhất thế giới, cũng là thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất tại khu vực Nam Mỹ. Tiêu thụ cà phê trong nước của Brazil ước tính sẽ đạt khoảng 22 triệu bao trong niên vụ 2023/2024, duy trì mức tiêu thụ cao do nhu cầu lớn từ cả người dân và các ngành công nghiệp chế biến cà phê. Người tiêu dùng Brazil chủ yếu tiêu thụ cà phê Robusta và Arabica, với cà phê pha chế tại nhà, cà phê espresso và cà phê truyền thống như "cafézinho" là phổ biến. Bên cạnh đó, sự gia tăng của các chuỗi cà phê hiện đại, đặc biệt là trong các thành phố lớn như São Paulo, Rio de Janeiro, và Brasília, cũng góp phần thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ cà phê cao cấp và cà phê đặc sản.

Cà phê là một phần không thể thiếu trong văn hóa Brazil, nơi tiêu thụ cà phê không chỉ là thói quen hàng ngày mà còn gắn liền với các nghi thức xã hội và cộng đồng. Điều này đã thúc đẩy sự phát triển mạnh mẽ của các quán cà phê đặc sản, chuỗi cà phê lớn, cũng như nhu cầu tiêu thụ các sản phẩm cà phê chế biến sẵn và cà phê hòa tan.

1.2.3.2. Colombia

Colombia, một trong những quốc gia nổi tiếng với cà phê Arabica chất lượng cao, cũng là một thị trường tiêu thụ cà phê lớn tại khu vực Nam Mỹ. Tiêu thụ cà phê tại Colombia trong niên vụ 2023/2024 dự báo sẽ đạt khoảng 3,5 triệu bao. Cà phê tại Colombia chủ yếu là Arabica, với hương vị đặc trưng và chất lượng cao. Người



dân Colombia tiêu thụ cà phê không chỉ trong các gia đình mà còn thông qua các quán cà phê truyền thống và các chuỗi cà phê hiện đại.

Colombia đã chứng kiến sự gia tăng nhu cầu đối với các sản phẩm cà phê đặc sản, đặc biệt trong các thành phố lớn như Bogotá, Medellín, và Cali. Các quán cà phê đặc sản và những người yêu thích cà phê chất lượng cao ngày càng phát triển, thúc đẩy ngành cà phê phát triển mạnh mẽ tại quốc gia này. Bên cạnh đó, cà phê hòa tan và các sản phẩm cà phê pha chế sẵn cũng đang dần chiếm lĩnh thị trường, phục vụ nhu cầu tiện lợi của người tiêu dùng.

1.2.3.3. *Argentina*

Argentina là một quốc gia tiêu thụ cà phê quan trọng tại khu vực Nam Mỹ, mặc dù sản lượng cà phê trong nước không lớn. Tiêu thụ cà phê tại Argentina trong niên vụ 2023/2024 ước tính sẽ đạt khoảng 2 triệu bao. Cà phê tại Argentina chủ yếu là cà phê Arabica, được tiêu thụ qua các hình thức pha chế như cà phê espresso, cà phê đen, và cà phê sữa. Mặc dù văn hóa tiêu thụ cà phê tại Argentina không mạnh mẽ như ở Brazil hay Colombia, nhu cầu đối với cà phê đang tăng lên trong các thành phố lớn như Buenos Aires và Córdoba, nơi các quán cà phê hiện đại ngày càng phát triển.

Ngoài việc tiêu thụ cà phê pha chế tại các quán cà phê, nhu cầu về cà phê hòa tan và cà phê chế biến sẵn cũng tăng, đặc biệt là trong các gia đình và văn phòng làm việc. Các sản phẩm cà phê đặc sản cũng đang dần trở nên phổ biến ở Argentina, phản ánh sự chuyển mình trong thói quen tiêu dùng cà phê tại quốc gia này.

1.2.3.4. *Peru*

Peru cũng là một quốc gia tiêu thụ cà phê quan trọng tại khu vực Nam Mỹ, mặc dù sản lượng cà phê của Peru chủ yếu phục vụ cho xuất khẩu. Tiêu thụ cà phê tại Peru trong niên vụ 2023/2024 dự báo sẽ đạt khoảng 1 triệu bao. Cà phê tiêu thụ tại Peru chủ yếu là Arabica, với đặc trưng hương vị nhẹ nhàng và chất lượng cao. Các quán cà phê đặc sản và các chuỗi cà phê đang ngày càng phát triển tại các thành

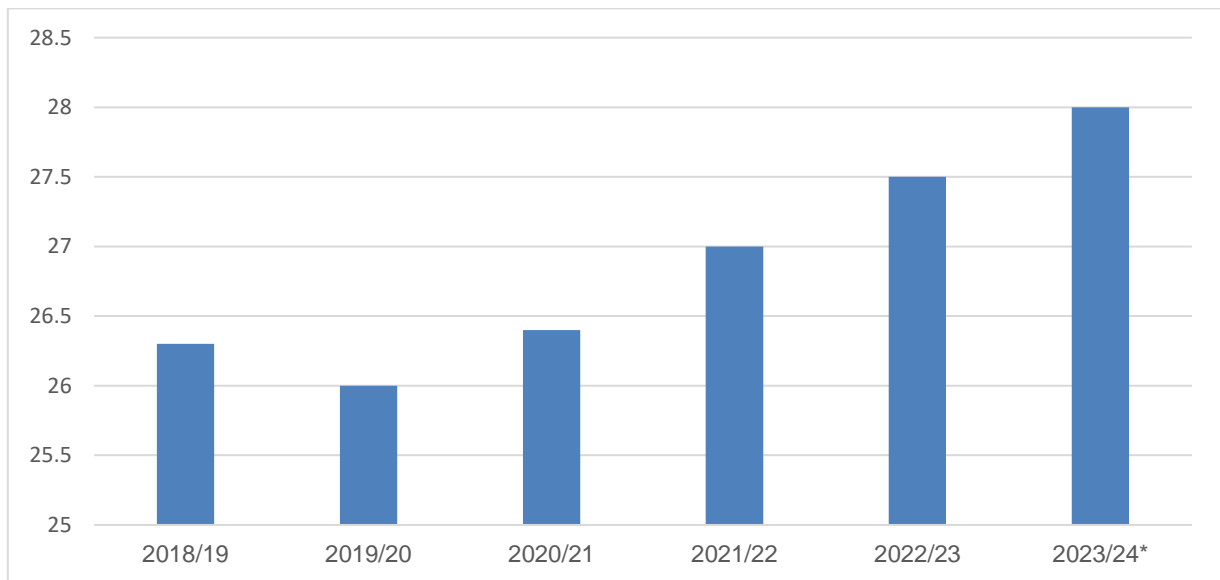


phố lớn như Lima và Cusco, góp phần thúc đẩy sự gia tăng tiêu thụ cà phê trong nước.

Nhu cầu tiêu thụ cà phê đặc sản và cà phê chất lượng cao tại Peru đang tăng lên, phản ánh sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng của người dân. Cà phê tại Peru không chỉ được tiêu thụ tại các quán cà phê mà còn trong các gia đình, nơi người dân ngày càng ưu tiên các sản phẩm cà phê sạch và bền vững.

Hình 9: Tiêu thụ cà phê khu vực Nam Mỹ

ĐVT: Triệu bao



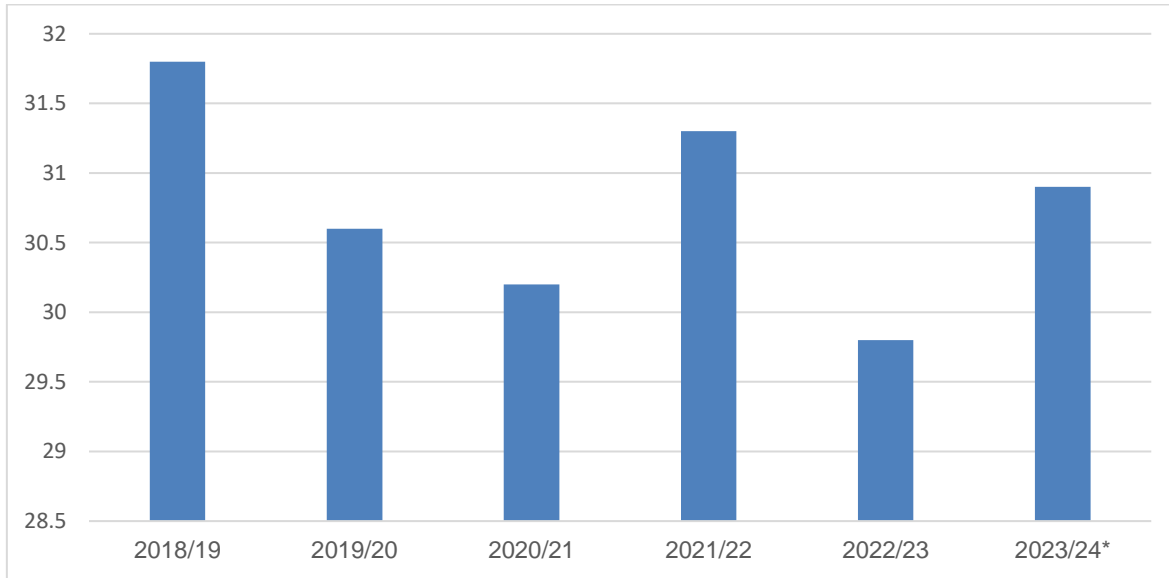
Nguồn: ICO

1.2.4. Tiêu thụ cà phê khu vực Bắc Mỹ

Khu vực Bắc Mỹ, đặc biệt là Hoa Kỳ và Canada, là một trong những thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới. Tiêu thụ cà phê ở Bắc Mỹ không chỉ phản ánh sự ưa chuộng của người tiêu dùng đối với các sản phẩm cà phê chất lượng cao, mà còn thể hiện sự phát triển mạnh mẽ của các chuỗi cà phê lớn, các cửa hàng cà phê đặc sản và xu hướng tiêu dùng cà phê pha chế sẵn. Niên vụ 2023/2024, tiêu thụ khu vực Bắc Mỹ đạt 30,9 triệu bao, tăng 3,69% so với niên vụ 2022/2023, tăng cao nhất trên thế giới trong niên vụ này.

**Hình 10: Tiêu thụ cà phê khu vực Bắc Mỹ**

ĐVT: Triệu bao



Nguồn: ICO

1.2.4.1. Hoa Kỳ

Hoa Kỳ là quốc gia tiêu thụ cà phê lớn nhất ở khu vực Bắc Mỹ và là một trong những thị trường cà phê lớn nhất toàn cầu. Tiêu thụ cà phê tại Hoa Kỳ trong niên vụ 2023/2024 ước tính sẽ đạt khoảng 28 triệu bao, duy trì vị trí hàng đầu trong tiêu thụ cà phê. Người tiêu dùng Mỹ có xu hướng tiêu thụ cà phê Arabica, với các sản phẩm phổ biến như cà phê espresso, cà phê phin, và cà phê pha chế sẵn.

Thị trường cà phê ở Hoa Kỳ tiếp tục phát triển mạnh mẽ, đặc biệt với sự gia tăng của các chuỗi cà phê lớn như Starbucks và Dunkin' Donuts. Các chuỗi này không chỉ cung cấp cà phê truyền thống mà còn mở rộng ra các loại cà phê đặc sản, thức uống cà phê lạnh, và các sản phẩm cà phê chế biến sẵn. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với các sản phẩm cà phê hữu cơ và bền vững cũng tăng lên, đặc biệt trong các nhóm người tiêu dùng trẻ tuổi và các thị trường thành thị.

Trong khi tiêu thụ cà phê tại các chuỗi quán cà phê lớn vẫn rất phổ biến, thị trường cà phê chế biến sẵn, bao gồm cà phê hòa tan và các sản phẩm cà phê đóng gói, cũng đang chứng kiến sự gia tăng. Các thương hiệu như Nescafé và Keurig



chiếm lĩnh thị trường này nhờ vào xu hướng tiêu dùng thuận tiện và nhanh chóng của người Mỹ.

1.2.4.2. Canada

Canada là thị trường tiêu thụ cà phê quan trọng thứ hai ở khu vực Bắc Mỹ, với nhu cầu cà phê trong nước ước tính sẽ đạt khoảng 4,5 triệu bao trong niên vụ 2023/2024. Cà phê tiêu thụ tại Canada chủ yếu là Arabica, và người tiêu dùng Canada có xu hướng tiêu thụ cà phê thông qua các quán cà phê và các sản phẩm cà phê pha chế sẵn.

Tương tự như Hoa Kỳ, thị trường cà phê ở Canada được thúc đẩy mạnh mẽ bởi các chuỗi cà phê lớn như Tim Hortons, một thương hiệu cà phê nổi tiếng không chỉ ở Canada mà còn ở một số quốc gia khác. Bên cạnh đó, nhu cầu đối với cà phê đặc sản và các sản phẩm cà phê hữu cơ cũng đang gia tăng, đặc biệt ở các khu vực đô thị như Toronto, Vancouver, và Montreal. Văn hóa cà phê ở Canada rất phong phú, với nhiều quán cà phê nhỏ và chuỗi cửa hàng cà phê đặc sản phục vụ người tiêu dùng tìm kiếm các trải nghiệm cà phê mới lạ và chất lượng cao.

Các sản phẩm cà phê chế biến sẵn cũng rất phổ biến tại Canada, đặc biệt là cà phê hòa tan và các hệ thống máy pha cà phê như Keurig. Bên cạnh đó, xu hướng tiêu dùng cà phê lạnh (iced coffee) và cà phê pha chế sẵn trong chai cũng đang phát triển mạnh mẽ, nhất là trong những tháng mùa hè.

Cả hai quốc gia, Hoa Kỳ và Canada, đều có những thị trường cà phê phát triển mạnh mẽ, với sự gia tăng của các cửa hàng cà phê đặc sản và nhu cầu cao đối với các sản phẩm cà phê bền vững. Nhìn chung, tiêu thụ cà phê tại Bắc Mỹ đang tiếp tục mở rộng, với những thay đổi trong thói quen và yêu cầu về chất lượng cà phê của người tiêu dùng..

1.2.5. Tiêu thụ cà phê khu vực châu Á và châu Đại Dương

Khu vực Châu Á và Châu Đại Dương đang trở thành một trong những thị trường tiêu thụ cà phê phát triển nhanh chóng trong những năm gần đây.



Niên vụ 2023/2024, sản lượng cà phê tiêu thụ tại khu vực Châu Á và Châu Đại Dương đạt 40,7 triệu bao, vươn lên đứng thứ là khu vực tiêu thụ cà phê lớn nhất thế giới. Sự gia tăng tiêu thụ cà phê ở các quốc gia trong khu vực này không chỉ phản ánh sự thay đổi trong thói quen tiêu dùng mà còn phản ánh sự phát triển của nền văn hóa cà phê, đặc biệt là trong các quốc gia như Trung Quốc, Nhật Bản, Hàn Quốc, Australia, Ấn Độ, và Indonesia. Dưới đây là phân tích về tiêu thụ cà phê tại khu vực Châu Á và Châu Đại Dương trong niên vụ 2023/2024.

1.2.5.1. Trung Quốc

Trung Quốc đang là một trong những thị trường cà phê phát triển nhanh nhất trên toàn thế giới. Khi số người tiêu dùng cà phê Trung Quốc tiếp tục tăng, năm 2022, mảng cà phê tạo ra doanh thu 15,34¹ tỷ USD. Khối lượng cà phê tiêu thụ bình quân mỗi người sẽ đạt 0,07kg trong năm 2022.

Trung Quốc chủ yếu nhập khẩu cà phê từ châu Phi và Nam Mỹ. Tập đoàn xuất khẩu cà phê Cecafe của Brazil cho biết những lô hàng xuất sang Trung Quốc tăng gần gấp ba lần trong năm 2023, lần đầu tiên vượt 1 triệu bao, đưa Trung Quốc trở thành thị trường lớn thứ 8.

USDA ước tính Trung Quốc sẽ tiêu thụ 5 triệu bao cà phê trong niên vụ 2023/2024, đưa nước này trở thành quốc gia tiêu thụ cà phê lớn thứ 7 thế giới.

Lượng cà phê tiêu thụ của Trung Quốc là tương đối thấp khi so sánh với Hoa Kỳ và Brazil, tiêu thụ hơn 20 triệu bao/năm. Tuy nhiên, nhu cầu cà phê ngày càng tăng cho thấy, Trung Quốc đang đứng trước một sự thay đổi văn hóa tương tự nhiều nước châu Á ưa chuộng trà khác như: Nhật Bản và Hàn Quốc.

1.2.5.2. Nhật Bản

¹ <https://tapchitaichinh.vn/vi-sao-nguoi-trung-quoc-bung-no-nhu-cau-tieu-thu-ca-phe.html>



Nhật Bản là một trong những thị trường tiêu thụ cà phê lớn nhất tại khu vực Châu Á. Tiêu thụ cà phê tại Nhật Bản ước tính sẽ đạt khoảng 7 triệu bao trong niên vụ 2023/2024. Mặc dù Nhật Bản không phải là quốc gia sản xuất cà phê, nhưng thị trường cà phê ở quốc gia này rất phát triển, với mức tiêu thụ bình quân đầu người cao. Người tiêu dùng Nhật Bản chủ yếu ưa chuộng cà phê Arabica, đặc biệt là cà phê chất lượng cao và các sản phẩm cà phê chế biến sẵn.

Cà phê ở Nhật Bản được tiêu thụ rộng rãi qua các kênh như các quán cà phê đặc sản, chuỗi cửa hàng tiện lợi, và các cửa hàng tự động bán cà phê đóng lon. Các quán cà phê hiện đại, như Starbucks và các quán cà phê đặc sản Nhật Bản, rất phổ biến, phục vụ nhiều loại cà phê pha chế như cà phê espresso, latte, và cappuccino. Hơn nữa, các sản phẩm cà phê hòa tan và cà phê đóng lon cũng chiếm thị phần lớn trong thị trường, phục vụ nhu cầu tiêu thụ nhanh và thuận tiện.

1.2.5.3. Hàn Quốc

Hàn Quốc cũng là một quốc gia tiêu thụ cà phê lớn trong khu vực Châu Á. Tiêu thụ cà phê tại Hàn Quốc trong niên vụ 2023/2024 dự báo sẽ đạt khoảng 4 triệu bao. Cà phê được tiêu thụ rộng rãi tại các quán cà phê, đặc biệt là trong các thành phố lớn như Seoul và Busan, nơi có sự hiện diện mạnh mẽ của các chuỗi quán cà phê lớn như Starbucks, Coffee Bean & Tea Leaf, và các quán cà phê đặc sản Hàn Quốc.

Hội đồng Quốc gia Tổ chức tiêu dùng Hàn Quốc (The Korea National Council of Consumer Organizations) gần đây cho biết mức tiêu thụ cà phê hàng ngày và chi phí cà phê hàng tháng của 70% người trưởng thành Hàn Quốc đạt mức trung bình ít nhất là một cốc và 103.978 won (80,54 USD²), theo Business Korea.

² <https://vietnambiz.vn/trung-nguyen-tien-vao-han-quoc-noi-muc-tieu-thu-ca-phe-dung-thu-hai-the-gioi-chuoi-starbucks-co-doanh-thu-lon-nhat>



Trong cuộc khảo sát của mình, 12,2% số người Hàn Quốc được hỏi cho biết họ uống cà phê từ 5 đến 6 lần một tuần; 8% khác cho biết họ uống ít nhất ba lần mỗi tuần và 4% đề cập tới việc họ uống cà phê ít nhất hai lần trong tuần.

Mức tiêu thụ cà phê trung bình của người Hàn Quốc là 367 cốc một năm, đứng thứ hai thế giới và hơn gấp đôi mức trung bình toàn cầu. Tại Hàn Quốc, số lượng quán cà phê trên một triệu dân là 1.384 quán, trong khi quốc gia láng giềng là Nhật Bản chỉ là 529 quán. Quy mô thị trường cà phê Hàn Quốc đã tăng từ 0,3 tỷ USD lên hơn 4,3 tỷ USD từ năm 2007 đến năm 2021.

Thị trường cà phê Hàn Quốc ngày càng trở nên đa dạng, với sự gia tăng tiêu thụ các loại cà phê đặc sản, cà phê pha chế, và cà phê lạnh. Ngoài ra, cà phê hòa tan và các sản phẩm cà phê chế biến sẵn cũng rất phổ biến ở Hàn Quốc, đặc biệt trong các gia đình và văn phòng. Cà phê đã trở thành một phần không thể thiếu trong văn hóa xã hội của người Hàn Quốc, không chỉ là đồ uống mà còn là một phần của các cuộc gặp gỡ xã hội và công việc.

1.2.5.4. *Australia*

Australia là một trong những thị trường tiêu thụ cà phê phát triển nhất tại khu vực Châu Đại Dương, với mức tiêu thụ ước tính sẽ đạt khoảng 4,5 triệu bao trong niên vụ 2023/2024. Cà phê tại Australia chủ yếu là Arabica, và người dân Australia đặc biệt yêu thích các loại cà phê pha chế chuyên nghiệp như flat white, cappuccino, và latte. Australia nổi bật với nền văn hóa cà phê đặc sản, nơi cà phê không chỉ đơn giản là một thức uống mà còn là một phần quan trọng trong phong cách sống của người dân.

Các thành phố lớn như Melbourne, Sydney, và Brisbane là các trung tâm cà phê sôi động, với sự hiện diện mạnh mẽ của các quán cà phê độc lập và chuỗi cà phê nổi tiếng. Cà phê tại Australia không chỉ được tiêu thụ tại các quán cà phê mà còn tại nhà, với sự gia tăng nhu cầu về các sản phẩm cà phê cao cấp và các dụng cụ pha chế cà phê.

1.2.5.5. *Ấn Độ*



Ấn Độ, mặc dù là một trong những quốc gia sản xuất cà phê lớn, nhưng thị trường tiêu thụ cà phê trong nước vẫn còn nhỏ so với các quốc gia khác. Tuy nhiên, tiêu thụ cà phê ở Ấn Độ đang tăng trưởng nhanh chóng, đặc biệt trong các thành phố lớn như Bangalore, Mumbai, và Delhi. Tiêu thụ cà phê tại Ấn Độ trong niên vụ 2023/2024 dự báo sẽ đạt khoảng 2 triệu bao.

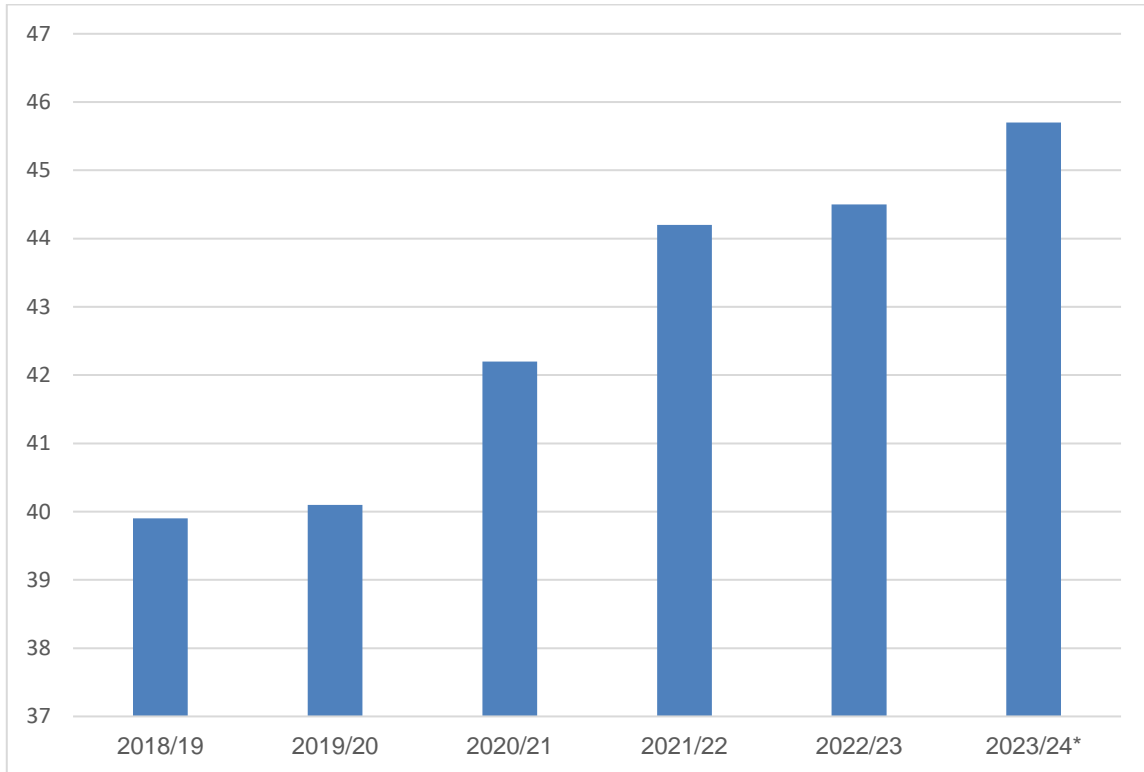
Cà phê tại Ấn Độ chủ yếu là Arabica và Robusta, với cà phê hòa tan và cà phê đen là những lựa chọn phổ biến trong các gia đình và văn phòng. Tuy nhiên, sự phát triển của các quán cà phê hiện đại, đặc biệt là các chuỗi quán cà phê quốc tế như Starbucks và các quán cà phê Ấn Độ như Cafe Coffee Day, đã thúc đẩy nhu cầu tiêu thụ cà phê pha chế, đặc biệt là trong giới trẻ và tầng lớp trung lưu.

1.2.5.6. *Indonesia*

Indonesia là một trong những quốc gia sản xuất cà phê lớn của khu vực, và tiêu thụ cà phê trong nước cũng đang có xu hướng tăng trưởng mạnh mẽ. Tiêu thụ cà phê tại Indonesia trong niên vụ 2023/2024 dự báo sẽ đạt khoảng 2 triệu bao. Cà phê tại Indonesia chủ yếu là Arabica và Robusta, với các sản phẩm cà phê truyền thống như kopi tubruk (cà phê đen đặc) và kopi luwak (cà phê chồn) rất phổ biến..

**Hình 11. Tiêu thụ cà phê khu vực châu Á và châu Đại Dương**

ĐVT: Triệu bao



Nguồn: ICO

1.3. Thương mại cà phê thế giới năm 2024

1.3.1. Xuất khẩu cà phê thế giới năm 2023/2024

Theo ICO, Niên vụ 2023/2024, xuất khẩu trong niên vụ 2023/24 ghi nhận mức tăng trưởng 11,8%, đạt 123,75 triệu bao, so với 110,72 triệu bao trong niên vụ 2022/23, tương ứng với 13,02 triệu bao. Mức tăng này đánh dấu một sự phục hồi mạnh mẽ sau hai năm suy giảm liên tiếp (giảm 1,1% và 5,6%), phản ánh sự điều chỉnh sau giai đoạn giảm sút trước đó. Tuy nhiên, mức xuất khẩu hiện tại vẫn chưa đạt mức tiềm năng lý thuyết là 125,73 triệu bao, cho thấy rằng còn nhiều cơ hội và tiềm năng cho niên vụ tiếp theo.

1.3.1.1. Tình hình xuất khẩu cà phê nhân xanh niên vụ 2023/2024



Theo ICO, niên vụ cà phê 2023/24, xuất khẩu cà phê nhân xanh tăng 11,8%, đạt 123,75 triệu bao, so với 110,72 triệu bao trong niên vụ cà phê 2022/23, tăng tuyệt đối 13,02 triệu bao. Đây là mức tăng hàng năm lớn nhất từ trước đến nay, vượt qua mức tăng cao nhất trước đó là 9,27 triệu bao trong niên vụ cà phê 1995/96.

Tỷ lệ và khối lượng tăng trưởng trong niên vụ cà phê 2023/24 sau 2 niên vụ giảm liên tiếp (1,1% và 5,6%), trong đó xuất khẩu cà phê nhân xanh toàn cầu giảm từ 118,66 triệu bao trong niên vụ cà phê 2020/21 xuống còn 110,72 triệu bao trong niên vụ cà phê 2022/23. Vì vậy, mức tăng hai con số trong niên vụ cà phê 2023/24 có thể được xem là sự phục hồi, thay vì sự mở rộng, của xu hướng dài hạn. Để làm rõ, xuất khẩu cà phê nhân xanh toàn cầu đã tăng trung bình 2,36 triệu bao mỗi niên vụ trong khoảng thời gian từ niên vụ cà phê 2010/11 đến 2020/21, trong khi mức tăng hàng năm trong giai đoạn niên vụ cà phê 2020/21 đến 2023/24 chỉ là 1,69 triệu bao. Mức xuất khẩu thực tế vẫn thấp hơn mức xuất khẩu tiềm năng là 125,73 triệu bao.

- *Xuất khẩu cà phê theo nhóm*

Xuất khẩu nhóm cà phê Other Milds (cà phê khác) niên vụ 2023/24 ghi nhận mức tăng 4,7%, đạt 23,05 triệu bao, so với 22,02 triệu bao trong niên vụ 2022/23.

Cà phê Brazilian Naturals tiếp tục duy trì mức tăng trưởng mạnh mẽ, niên vụ 2023/24 đạt 41,89 triệu bao, tăng 22,6% so với 34,16 triệu bao trong niên vụ 2022/23.

Cà phê Colombian Milds niên vụ 2023/24 đạt 12,22 triệu bao, tăng 14,3% so với 10,69 triệu bao trong niên vụ 2022/23.

- *Xuất khẩu theo loại*

Arabicas: Xuất khẩu cà phê Arabicas trong niên vụ 2023/24 tăng 15,47%, đạt 77,17 triệu bao, so với 66,68 triệu bao trong niên vụ 2022/23, đánh dấu mức tăng trưởng mạnh nhất trong lịch sử. Điều này phục hồi sau hai năm giảm sút, với mức giảm lần lượt là 3,1% và 10,4%.

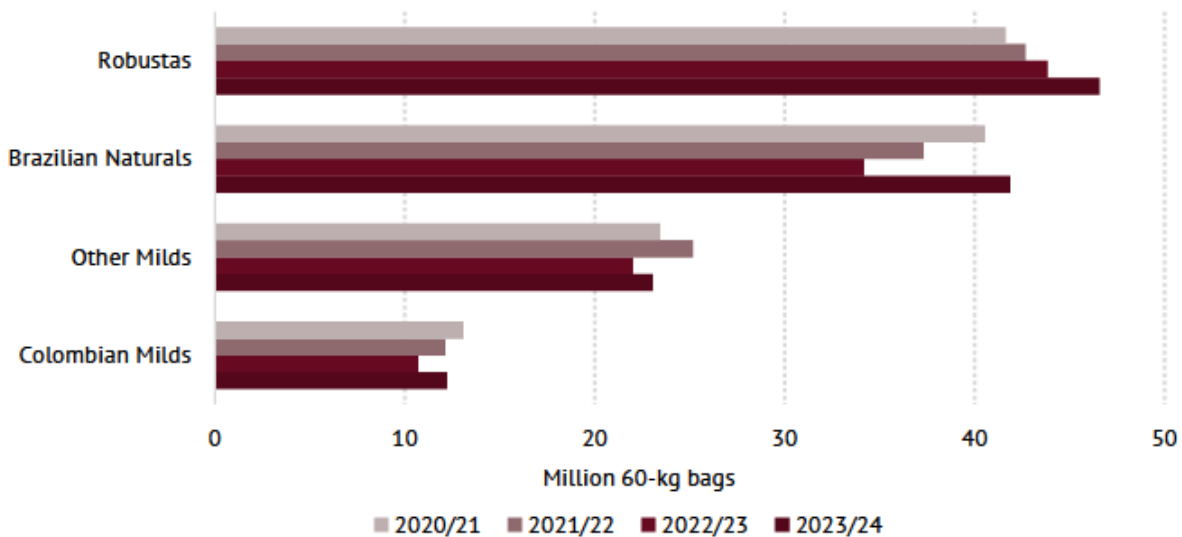


Robustas: Xuất khẩu cà phê Robustas trong tháng 9 năm 2024 tăng 15,4%, đạt 3,1 triệu bao, so với 2,68 triệu bao trong cùng kỳ năm trước. Mặc dù tổng xuất khẩu cà phê Robustas trong niên vụ 2023/24 ghi nhận mức tăng khiêm tốn 6,2%, đạt 46,58 triệu bao, so với 43,84 triệu bao trong niên vụ 2022/23, sự giảm sút xuất khẩu từ Việt Nam và những yếu tố bất lợi khác đã ảnh hưởng đến tổng mức tăng của nhóm này.

Trong niên vụ 2023/24, thị phần của cà phê Arabicas chiếm 62,4% tổng xuất khẩu cà phê hạt xanh, tăng từ 60,4% trong năm trước.

Hình 12: Xuất khẩu cà phê nhân toàn cầu niên vụ 2020/2021 đến 2023/2024

ĐVT: Triệu bao



Nguồn: ICO

1.3.1.2. Xuất khẩu cà phê nhân niên vụ 2023/2024 theo các khu vực

a. Nam Mỹ

Xuất khẩu cà phê từ khu vực Nam Mỹ trong tháng 9 năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng mạnh 30,8%, đạt 6,2 triệu bao, so với 4,74 triệu bao trong tháng 9 năm 2023. Tổng xuất khẩu của khu vực này trong niên vụ 2023/24 đạt 66,13 triệu bao, tăng 30,7% so với 50,59 triệu bao trong niên vụ 2022/23. Sự tăng trưởng này chủ



yếu đến từ Brazil và Colombia, với lượng xuất khẩu của Brazil đạt 49,03 triệu bao (tăng 34,3%) và của Colombia đạt 11,91 triệu bao (tăng 13,7%).

b. *Châu Phi*

Khu vực Châu Phi cũng ghi nhận mức tăng trưởng ổn định, với xuất khẩu cà phê trong tháng 9 năm 2024 tăng 14,3%, đạt 1,37 triệu bao, so với 1,2 triệu bao trong cùng kỳ năm trước. Tổng xuất khẩu trong niên vụ 2023/24 đạt 16,02 triệu bao, tăng 17,3% so với 13,66 triệu bao trong niên vụ 2022/23, với Ethiopia là quốc gia đóng góp lớn nhất vào sự tăng trưởng này, đạt 5,59 triệu bao (tăng 63,5%).

c. *Mexico và Trung Mỹ*

Mặc dù xuất khẩu từ khu vực Mexico và Trung Mỹ trong tháng 9 năm 2024 tăng 18,1%, đạt 0,9 triệu bao, xuất khẩu toàn khu vực trong niên vụ 2023/24 giảm 4,1%, chỉ đạt 14,51 triệu bao, so với 15,13 triệu bao trong niên vụ 2022/23. Sự giảm sút chủ yếu đến từ Honduras và Nicaragua, trong khi xuất khẩu từ Guatemala và Mexico vẫn tăng trưởng tích cực.

d. *Châu Á và Châu Đại Dương*

Xuất khẩu cà phê từ khu vực Châu Á và Châu Đại Dương trong tháng 9 năm 2024 ghi nhận mức tăng trưởng 19,6%, đạt 2,29 triệu bao, so với 1,91 triệu bao trong tháng 9 năm 2023. Tuy nhiên, xuất khẩu trong niên vụ 2023/24 giảm 6,7%, đạt 40,62 triệu bao, so với 43,54 triệu bao trong niên vụ 2022/23, chủ yếu do sự suy giảm xuất khẩu từ Việt Nam.

1.3.1.3. *Tình hình xuất khẩu cà phê hòa tan và cà phê rang xay*

Xuất khẩu cà phê hòa tan trong tháng 9 năm 2024 đạt 1,02 triệu bao, tăng 24,3% so với cùng kỳ năm trước. Trong niên vụ 2023/24, xuất khẩu cà phê hòa tan tăng 11,6%, đạt 12,19 triệu bao, so với 10,92 triệu bao trong niên vụ 2022/23.

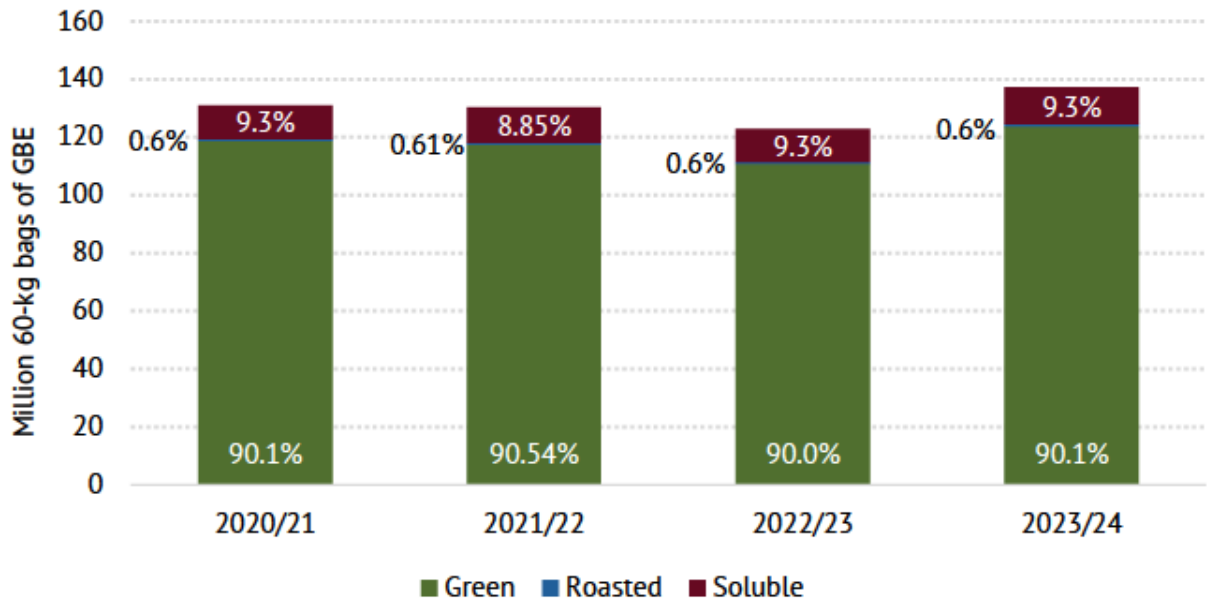
Cà phê chế biến (bao gồm cà phê đã rang xay và cà phê hòa tan) ghi nhận mức tăng trưởng mạnh nhất trong tháng 9 năm 2024, với mức tăng 41,2%, đạt 2,6 triệu bao, so với 1,84 triệu bao trong cùng kỳ năm trước. Trong niên vụ 2023/24, xuất



khẩu cà phê chế biến tăng 24,7%, đạt 32,16 triệu bao, so với 25,8 triệu bao trong niên vụ 2022/23.

Xuất khẩu cà phê hạt rang trong tháng 9 năm 2024 tăng 19,6%, đạt 1,69 triệu bao, so với 1,41 triệu bao trong cùng kỳ năm 2023. Trong niên vụ 2023/24, xuất khẩu cà phê hạt rang đạt 21,17 triệu bao, tăng 15,3% so với 18,35 triệu bao trong niên vụ 2022/23.

Hình 13: Tỷ lệ xuất khẩu các chủng loại cà phê toàn cầu



Nguồn: ICO

1.3.2. Nhập khẩu cà phê thế giới năm 2024

Trong niên vụ 2023-2024, nhập khẩu cà phê toàn cầu ghi nhận sự gia tăng đáng kể tại các thị trường chính:

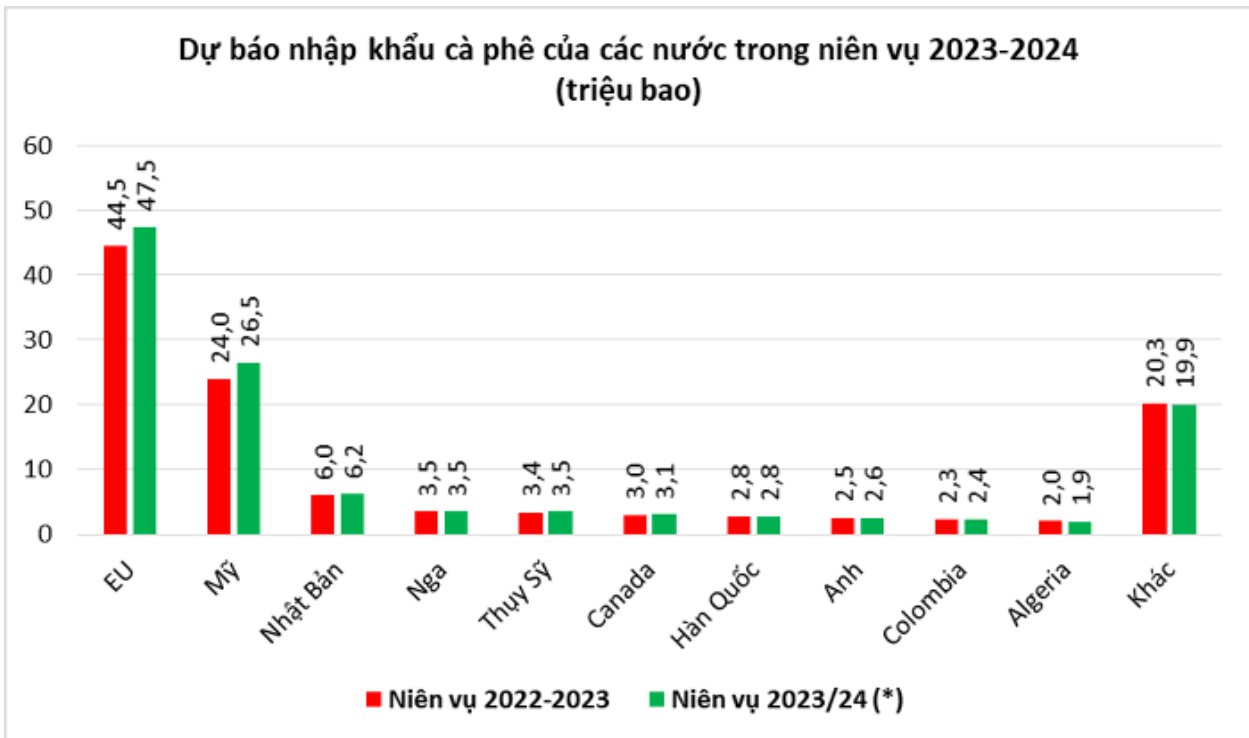
Liên minh châu Âu (EU): Dự báo nhập khẩu tăng 3 triệu bao, đạt 47,5 triệu bao, chiếm 40% tổng lượng cà phê nhân nhập khẩu trên thế giới. Các nguồn cung cấp chính cho EU trong năm 2022 bao gồm Brazil (35%), Việt Nam (22%), Uganda (7%) và Honduras (6%). Tồn kho cuối vụ dự kiến tăng 500.000 bao, lên 13,1 triệu bao.



Hoa Kỳ: Nhập khẩu dự kiến đạt 26,5 triệu bao, tăng 2,5 triệu bao so với niên vụ trước. Các nhà cung cấp hàng đầu cho thị trường Mỹ gồm Brazil (31%), Colombia (19%), Việt Nam (10%) và Guatemala (6%). Tồn kho cà phê tại Mỹ dự kiến tăng 1,1 triệu bao, đạt 6,8 triệu bao.

Sự gia tăng nhập khẩu tại các thị trường lớn như EU và Hoa Kỳ phản ánh nhu cầu tiêu thụ cà phê toàn cầu đang ở mức cao, đồng thời cho thấy sự phụ thuộc vào các nhà cung cấp chính như Brazil, Việt Nam và Colombia.

Hình 14: Nhập khẩu cà phê của các nước trong niên vụ 2023/2024



Nguồn: USDA

1.3.3. Cân bằng cung cầu cà phê thế giới năm 2024

Theo ICO, thị trường cà phê toàn cầu thâm hụt khoảng 1 triệu bao trong niên vụ 2023/2023 do nhu cầu tiêu thụ cà phê tăng mạnh trong niên vụ này. Mặc dù sản xuất cà phê toàn cầu ghi nhận sự tăng trưởng trở lại trong niên vụ này (tăng 5,83%) song vẫn chưa đáp ứng được hoàn toàn nhu cầu tiêu thụ cà phê của thế giới.

**Bảng 1: Cân bằng sản xuất – tiêu dùng cà phê thế giới (ĐVT: triệu bao)**

| Niên vụ cà phê | 2019/20 | 2020/21 | 2021/22 | 2022/23 | 2023/24 * | % thay đổi 2021/22 |
|-------------------------------|--------------|--------------|--------------|--------------|--------------|-----------------------|
| SẢN XUẤT | 168,4 | 170,8 | 168 | 168,2 | 178 | 5,83% |
| Arabica | 96,4 | 100,6 | 92,3 | 94 | 102,2 | 8,72% |
| Robusta | 72 | 70,3 | 75,7 | 74,2 | 75,8 | 2,16% |
| Châu Phi | 18,5 | 19,2 | 19,3 | 17,9 | 20,1 | 12,29% |
| Châu Á & Châu Đại Dương | 19,2 | 19,7 | 18,9 | 19,2 | 18,7 | -2,60% |
| Mexico & Trung Mỹ | 81,1 | 83,9 | 77,6 | 81,3 | 89,3 | 9,84% |
| Nam Mỹ | 49,6 | 48 | 52,2 | 49,8 | 49,9 | 0,20% |
| TIÊU THỤ | 168,6 | 169,9 | 176,6 | 173,1 | 177 | 2,25% |
| Quốc gia xuất khẩu | 52,2 | 53,1 | 54,4 | 55,1 | 56,5 | 2,54% |
| Quốc gia nhập khẩu | 116,4 | 116,8 | 122,2 | 118,1 | 120,5 | 2,03% |
| Châu Phi | 12,1 | 13 | 12,9 | 12,2 | 12,5 | 2,46% |
| Châu Á & Châu Đại Dương | 40,1 | 42,2 | 44,2 | 44,5 | 45,7 | 2,70% |
| Mexico & Trung Mỹ | 5,8 | 5,9 | 6 | 6 | 6,1 | 1,67% |
| Châu Âu | 30,6 | 30,2 | 31,3 | 29,8 | 30,9 | 3,69% |
| Bắc Mỹ | 26 | 26,4 | 27 | 27,5 | 28 | 1,82% |
| Nam Mỹ | 54 | 52,2 | 55,2 | 53,1 | 53,7 | 1,13% |



| Niên vụ cà phê | 2019/20 | 2020/21 | 2021/22 | 2022/23 | 2023/24 * | % thay đổi 2021/22 |
|-----------------|------------|-------------|------------|------------|--------------|-----------------------|
| CÂN BẰNG | 0,2 | -0,9 | 8,6 | 4,9 | -1,0 | |

Nguồn: ICO (số liệu tại thời điểm tháng 10 năm 2024)

Dự báo niên vụ 2023/2024, cán cân cung cầu của cà phê thế giới tiếp tục ghi nhận sự thâm hụt do tiêu thụ cà phê toàn cầu được dự báo tăng do nhu cầu tăng cao từ một số thị trường tại khu vực Châu Á và Châu Đại Dương. Trong khi, sản lượng của các nước sản xuất chính như Việt Nam và Brazil được dự báo giảm.

1.3.4. Biến động giá cà phê thế giới

Trong tháng đầu tiên của quý IV, giá cà phê ghi nhận mức tăng so với thời điểm cuối nửa đầu năm nay (cuối tháng 6). Tuy nhiên, nếu so sánh với tháng 9, giá cà phê giảm nhẹ do một số quốc gia, bao gồm Việt Nam, bước vào giai đoạn thu hoạch.

Thị trường London:

Trên sàn giao dịch London, kết thúc phiên giao dịch ngày 28/10, giá cà phê robusta giao kỳ hạn tháng 11 và tháng 1/2025 lần lượt tăng 14,1% và 17,1% so với cuối tháng 6, đạt mức 4.411 USD/tấn và 4.323 USD/tấn. Tuy nhiên, so với tháng 9, cả hai hợp đồng giảm khoảng 10%, chủ yếu do tác động từ việc Việt Nam bước vào vụ thu hoạch cà phê robusta (xem Biểu đồ 5).

Thị trường New York:

Trên sàn giao dịch New York, ngày 28/10, giá cà phê arabica giao kỳ hạn tháng 12 và tháng 3/2025 tăng lần lượt 9,7% và 10,4% so với cuối quý II, đạt mức 248,4 Uscent/lb và 247,5 Uscent/lb. Tuy nhiên, so với tháng 9, giá arabica giảm khoảng 6%, phản ánh nguồn cung tăng từ các thị trường sản xuất lớn.



Hình 15: Diễn biến giá cà phê robusta giao kỳ hạn trên sàn giao dịch London từ tháng 1/2024 đến nay



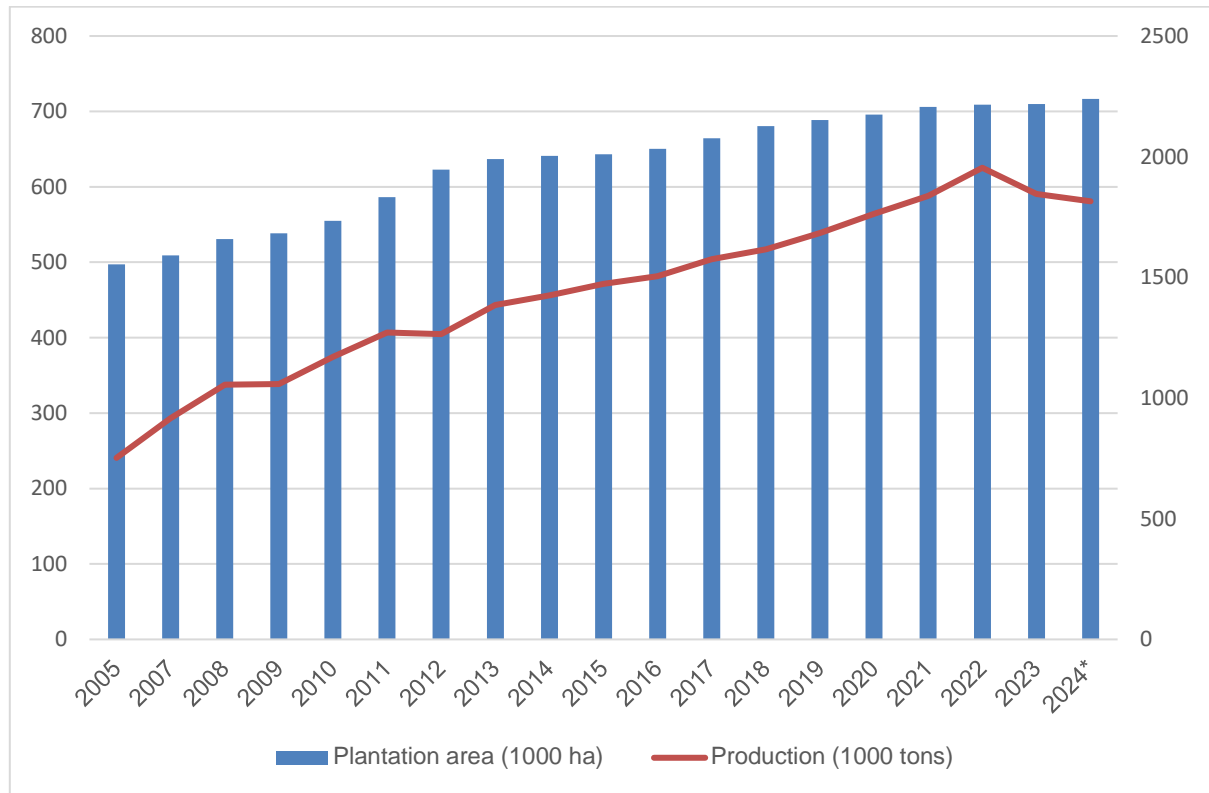
Nguồn: Sàn giao dịch London

II. NGÀNH CÀ PHÊ VIỆT NAM 2024

2.1. Tình hình sản xuất cà phê

2.1.1. Diện tích sản xuất cà phê

Việt Nam được chia thành hai vùng khí hậu phù hợp cho sản xuất cà phê. Vùng Tây Nguyên có đất đỏ bazan, rất thuận lợi để trồng cà phê vối và các tỉnh miền Bắc, với độ cao phù hợp (khoảng 6-800 m) phù hợp với cà phê chè. Theo Cục Trồng trọt, Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn, tổng diện tích cà phê cả nước khoảng 716,6 ha, tăng 0,9% so với năm 2023.

**Hình 16: Diện tích và sản lượng cà phê Việt Nam**

Nguồn: Tổng cục Thống kê, Cục Trồng trọt

Bộ Nông nghiệp và Phát triển Nông thôn (NNPTNT) đã đề ra mục tiêu phát triển cây cà phê đến năm 2030 với diện tích toàn quốc dự kiến đạt khoảng 640-660 nghìn ha. Trong đó, vùng Tây Nguyên sẽ chiếm khoảng 600 nghìn ha, còn lại 40-60 nghìn ha được trồng tại các tỉnh như Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa - Vũng Tàu, Sơn La, Quảng Trị, Bình Thuận... Cơ cấu giống cây cà phê được định hướng với 90-92% diện tích trồng cà phê vôi và 8-10% diện tích trồng cà phê chè, tập trung tại các tỉnh Quảng Trị, Sơn La, Điện Biên, Lâm Đồng, Kon Tum...

Vùng trồng cà phê sẽ được quy hoạch theo hướng cảnh quan, kết hợp phát triển văn hóa, du lịch và các dịch vụ liên quan tại những khu vực có điều kiện thuận lợi. Đồng thời, các diện tích cà phê nằm ở khu vực không phù hợp hoặc có năng suất thấp sẽ được rà soát để chuyển đổi sang các loại cây trồng khác có hiệu quả kinh tế cao hơn.

Đề án đặt mục tiêu cải tạo diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp bằng cách thực hiện tái canh và ghép cải tạo với các giống mới, có năng suất và chất lượng cao,



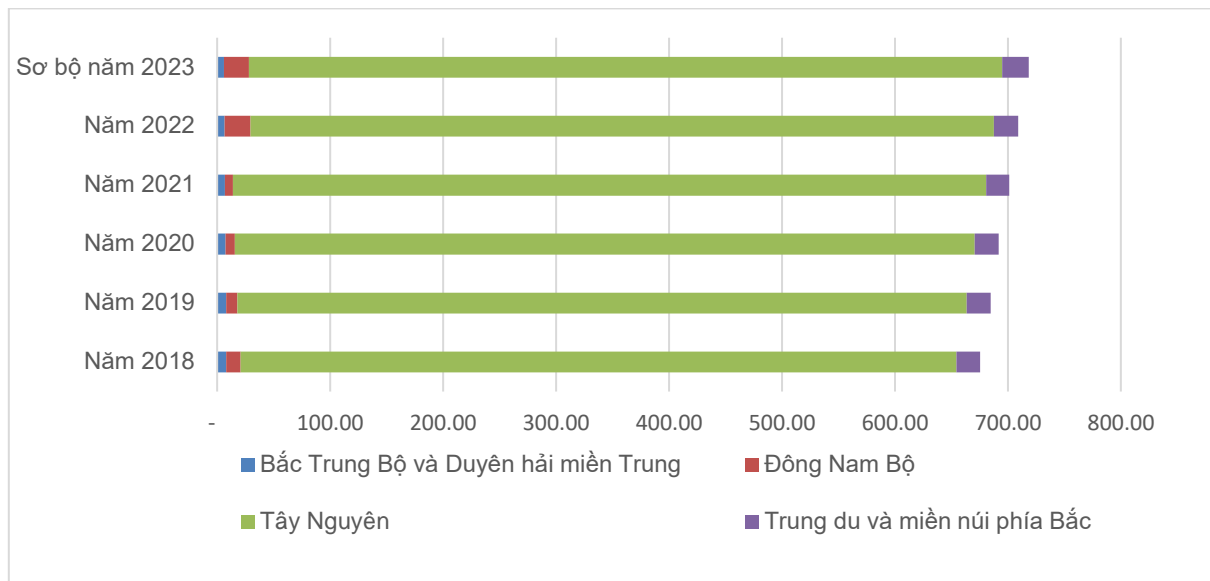
đồng thời kháng sâu bệnh hiệu quả. Đến năm 2030, dự kiến 80-90% diện tích cà phê trồng mới sẽ được sử dụng giống đạt tiêu chuẩn chất lượng.

Ngành cà phê sẽ đẩy mạnh sản xuất theo hướng hữu cơ, với diện tích sản xuất hữu cơ đạt khoảng 2% và cà phê đặc sản chiếm khoảng 3% tổng diện tích. Bên cạnh đó, diện tích cà phê đạt các tiêu chuẩn sản xuất quốc tế như RA, 4C, FLO, C.A.F.E. Practices... được kỳ vọng chiếm 35-40%. Trên 70% diện tích cà phê sẽ được cấp mã số vùng trồng, đảm bảo truy xuất nguồn gốc sản phẩm một cách minh bạch và hiệu quả.

2.1.2. Tình hình sản xuất cà phê khu vực Tây Nguyên

Tây Nguyên là vùng sản xuất cà phê chính của Việt Nam, chiếm 92,8% tổng diện tích. Diện tích trồng cà phê của khu vực này có xu hướng tăng trong giai đoạn từ 2018-2022 với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,3%/năm. Trung Du và miền núi phía bắc đứng thứ 2 với diện tích bình quân trong giai đoạn 2018-2023 là 21,53 ha, chiếm 3,3% tổng diện tích trồng cà phê của Việt Nam, tốc độ tăng trưởng bình quân trong giai đoạn này đạt 2,3%/năm.

Hình 17: Diện tích gieo trồng cà phê phân theo vùng



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2024

Niên vụ 2023/2024, diện tích trồng cà phê khu vực Tây Nguyên đạt 666,69 nghìn ha, tăng 1,3% so với với niên vụ 2022/2023. Đắk Lắk là tỉnh có diện tích trồng



cà phê lớn nhất khu vực Tây Nguyên, diện tích đạt 212,1 nghìn ha, chiếm 31,8% tổng diện tích sản xuất cà phê vùng Tây Nguyên, giảm 0,4% so với niên vụ trước. niên vụ 2023-2024, diện tích cà-phê toàn tỉnh đạt 212.106ha, giảm 809ha so với niên vụ trước, trong đó diện tích cho thu hoạch 200.441ha, giảm 400ha so với niên trước, năng suất bình quân đạt 26,72 tạ/ha, tổng sản lượng đạt 535.672 tấn, giảm 23.057 tấn so với niên vụ trước. Năng suất cà-phê giảm là do biến đổi khí hậu, hạn hán, sâu bệnh và một số diện tích cà-phê tái canh đang trong giai đoạn kiến thiết cơ bản chưa cho thu hoạch và một số diện tích người dân trồng xen nhiều loại cây trồng.

Lâm Đồng đứng thứ hai với diện tích đạt 175,9 nghìn ha, tăng 0,5% so với niên vụ trước. Theo Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Lâm Đồng, năm 2024, diện tích cà phê toàn tỉnh đạt 176,8 ngàn ha, tăng 0,7% so cùng kỳ 2023, sản lượng 572,7 ngàn tấn tăng 5%. Trong đó, diện tích cà phê có các chứng nhận 4C, UTZ, RainForest... đạt 88.000 ha (tăng 2,32%), sản lượng đạt 297.440 tấn/năm (tăng 8,1%). Lâm Đồng đang khuyến khích, hỗ trợ nông dân chuyển đổi canh tác cà phê sang các mô hình cà phê đạt các chứng nhận quốc tế, nâng cao giá trị hạt cà phê, tăng thu nhập cho người nông dân cũng như góp phần xây dựng thương hiệu cho hạt cà phê Việt Nam. Cà phê đạt các chứng nhận quốc tế luôn được đánh giá cao hơn, giá thu mua cao hơn cũng như được các nhà rang xay quốc tế ưa chuộng.

Đắk Nông là tỉnh sản xuất cà phê lớn thứ 3 ở khu vực Tây Nguyên với diện tích đạt 139,9 nghìn ha trong niên vụ 2023/2024, tăng 1,5% so với niên vụ 2022/2023. Năm 2024 diện tích cà phê cho thu hoạch tỉnh Đắk Nông đạt 131.000ha. Tỉnh Đắk Nông dự kiến niên vụ 2024 tổng sản lượng cà phê đạt 350.000 tấn. Năng suất cà phê bình quân chung toàn tỉnh ước đạt 2,6 tấn/ha.

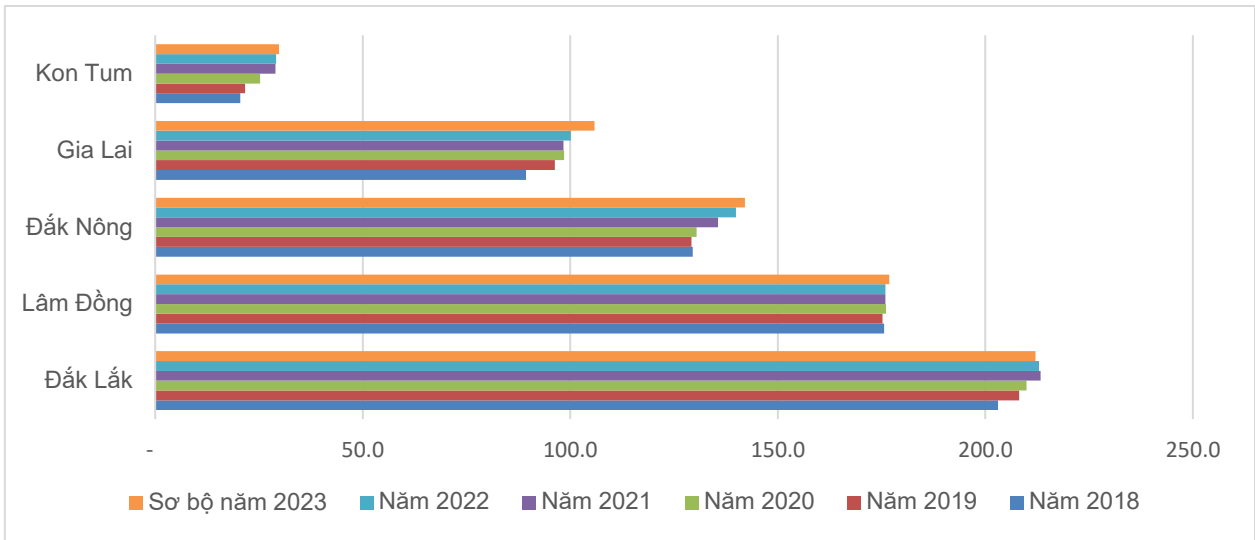
Gia Lai, với diện tích tự nhiên hơn 1,5 triệu ha, là một trong những tỉnh có tiềm năng lớn về nông nghiệp, đặc biệt là cây cà phê. Hiện tại, tỉnh có hơn 105.000 ha cà phê, trong đó khoảng 60.000 ha được sản xuất theo các tiêu chuẩn bền vững như VietGAP, 4C, Organic... Sản lượng đạt hơn 400.000 tấn/năm, chủ yếu là cà phê Robusta. Năm 2023, kim ngạch xuất khẩu cà phê của tỉnh đạt 490 triệu USD, chiếm 80% tổng kim ngạch xuất khẩu nông sản. Tỉnh Gia Lai đã đề ra mục tiêu phát triển ổn định diện tích cà phê ở mức 100.000 ha đến năm 2030, trong đó sản xuất theo hướng hữu cơ đạt khoảng 15%. Phát triển cà phê đặc sản cũng được chú trọng, với kế hoạch đạt 2,34 ngàn ha và sản lượng 1,7 ngàn tấn. Gia Lai cũng tập trung vào chế



biến sâu, phấn đấu đến năm 2030 tỷ lệ cà phê chế biến sâu đạt 20-25% tổng sản lượng, đồng thời đảm bảo các tiêu chuẩn quốc tế về truy xuất nguồn gốc và chống suy thoái rừng. Các giải pháp đồng bộ, từ đầu tư vào công nghệ chế biến hiện đại đến phát triển hệ thống logistics, được triển khai nhằm gia tăng giá trị, khẳng định vị thế cà phê Gia Lai trên thị trường trong nước và quốc tế.

Hình 18: Diện tích trồng cà phê tại các tỉnh Tây Nguyên giai đoạn 2019-2022

ĐVT: Nghìn ha



Nguồn: Niên giám thống kê, 2024

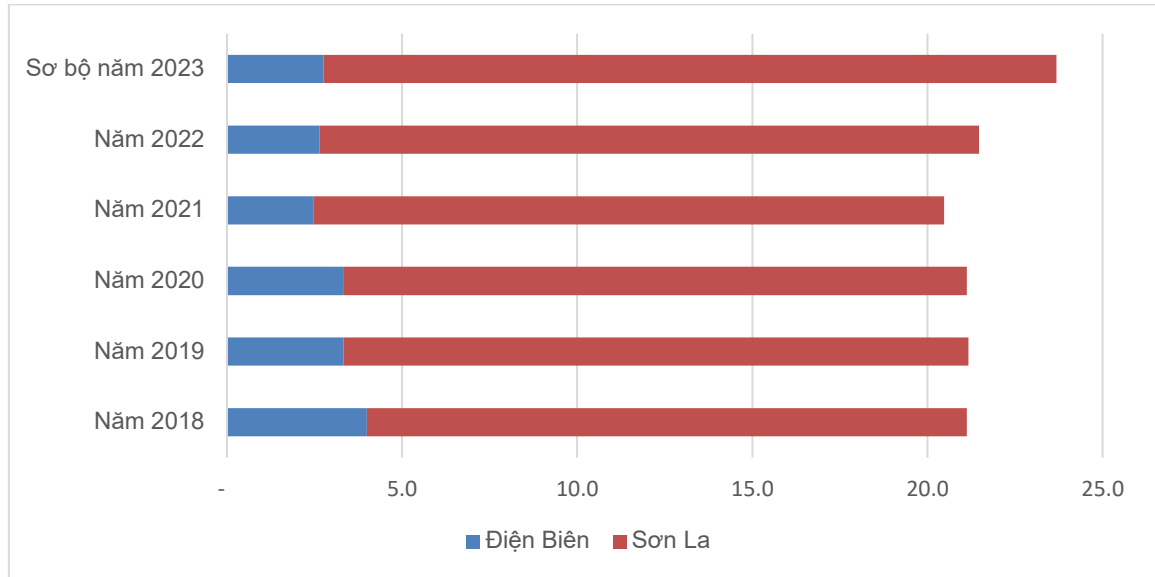
2.1.3. Tình hình sản xuất cà phê tại vùng Trung du và miền núi phía bắc

Tại vùng Trung du và miền núi phía bắc, diện tích trồng cà phê tập trung tại hai tỉnh Sơn La và Điện Biên. Diện tích sản xuất cà phê tại khu vực này không biến đổi lớn trong giai đoạn 2018-20223 với tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 2,3%/năm trong giai đoạn này. Tuy nhiên, vùng trung du và miền núi phía bắc có điều kiện thuận lợi để phát triển cà phê Arabiaca – loại cà phê có hiệu quả kinh tế cao.



Hình 19: Diện tích trồng cà phê tại các tỉnh Trung du và miền núi phía bắc giai đoạn 2018-2023

ĐVT: Nghìn ha



Nguồn: Niên giám thống kê, 2024

Sơn La là tỉnh có diện tích trồng cà phê lớn nhất trong vùng Trung du và miền núi phía bắc. Niên vụ 2023/2024, diện tích trồng cà phê trên địa bàn tỉnh Sơn La đạt 20,9 nghìn ha, tăng 4,1% so với niên vụ trước. Năm 2024, tỉnh Sơn La có trên 21.000 ha cà phê, tập trung chủ yếu tại huyện Mai Sơn, Thuận Châu và Thành phố, sản lượng ước đạt 35.000 - 45.000 tấn cà phê nhân/năm, trị giá 4.500 - 5.000 tỷ đồng.

Để nâng cao giá trị cây cà phê, những năm vừa qua, tỉnh Sơn La đã chủ trương sản xuất cà phê theo hướng xanh, sạch. Hiện nay, diện tích cà phê được cấp các chứng nhận bền vững (RA, 4C, VietGAP) và tương đương trên 19.100 ha; có trên 1.120 ha cà phê đặc sản; có 2 vùng sản xuất cà phê được UBND tỉnh Sơn La cấp quyết định vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao...

Mở rộng diện tích áp dụng quy trình thực hành nông nghiệp tốt, nông nghiệp hữu cơ, đến nay, tỉnh có trên 19.000 ha cà phê được cấp các chứng nhận; UBND tỉnh đã cấp quyết định vùng sản xuất ứng dụng công nghệ cao cho 2 vùng sản xuất cà phê trên địa bàn huyện Mai Sơn, quy mô 1.000 ha cà phê của 1.560 hộ gia đình.



Sở Khoa học và Công nghệ đã cấp quyền sử dụng chỉ dẫn địa lý “Cà phê Sơn La” cho 7 doanh nghiệp, hợp tác xã và đã xuất khẩu đến 20 quốc gia, vùng lãnh thổ.

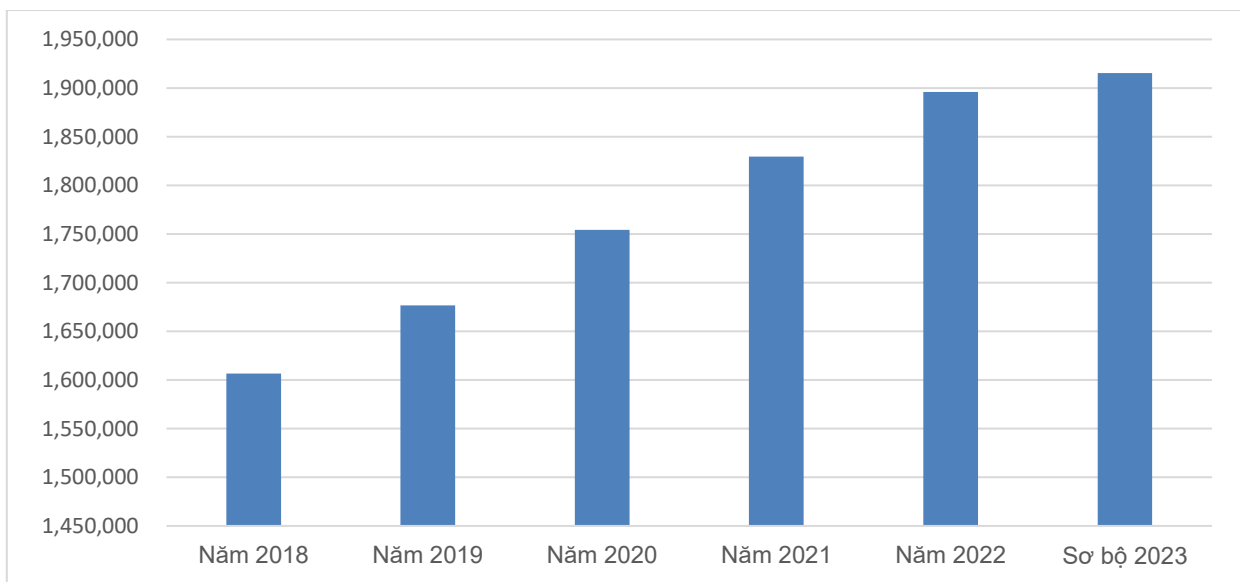
Toàn tỉnh Sơn La đề ra mục tiêu giai đoạn 2023 - 2025, giá trị sản xuất cà phê chiếm 6-8% tổng giá trị sản xuất ngành trồng trọt; đến năm 2025, toàn tỉnh tái canh 8.000 ha cà phê; phát triển 3.900 ha cà phê đặc sản; xuất khẩu 25.000 tấn cà phê nhân/năm; giá trị xuất khẩu cà phê đạt gần 100 triệu USD... tạo việc làm, ổn định thu nhập cho trên 18.000 hộ trồng cà phê. Song song với đó, tích cực bảo vệ môi trường nước, không khí trong vùng trồng, sơ chế, chế biến cà phê...

2.1. Sản lượng cà phê Việt Nam

Theo báo cáo của Tổng cục Thống kê năm 2023, sản lượng cà phê cả nước đạt sản lượng là 1,92 triệu tấn, tăng 3,6% so với năm 2022.

Hình 20: Sản lượng Việt Nam

ĐVT: Ha



Nguồn: Tổng cục thống kê, 2024

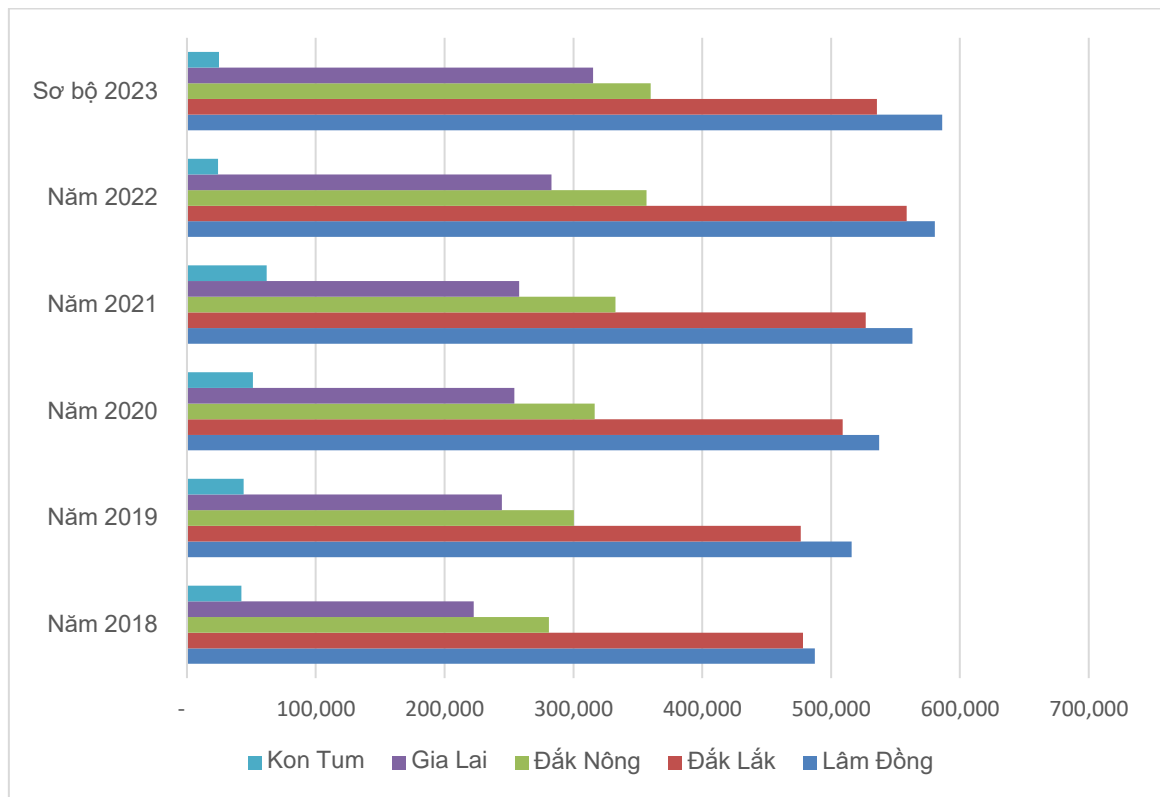
Tây Nguyên là vùng có sản lượng cà phê lớn nhất của Việt Nam. Năm 2023, sản lượng cà phê của Tây Nguyên đạt 1,82 triệu tấn, chiếm 95,1% tổng sản lượng cà phê của Việt Nam, tăng 1,9% so với năm 2022. Trong đó, Lâm Đồng là tỉnh có sản



lượng cà phê lớn nhất, đạt 586,1 nghìn tấn, chiếm 32,2% tổng sản lượng cà phê Tây Nguyên, tăng 1% so với năm 2022; Đắk Lắk đạt 535,7 nghìn tấn, chiếm 29,4%, giảm 4,1%; Đắk Nông đạt 360,1 nghìn tấn, chiếm 19,8%, tăng 1%; Gia Lai đạt 315,4 nghìn tấn, chiếm 17,3%, tăng 11,5%.

Hình 21: Sản lượng cà phê Việt Nam theo các vùng sản xuất giai đoạn 2018-2023

ĐVT: Tấn



Nguồn: Tổng cục Thống kê, 2024

2.2. Thương mại cà phê

2.2.1. Xuất khẩu cà phê Việt Nam

Theo Tổng cục Hải quan cho biết, xuất khẩu cà phê của Việt Nam tháng 11/2024 đạt 45 nghìn tấn, trị giá 262 triệu USD, giảm 0,9% về lượng, nhưng tăng

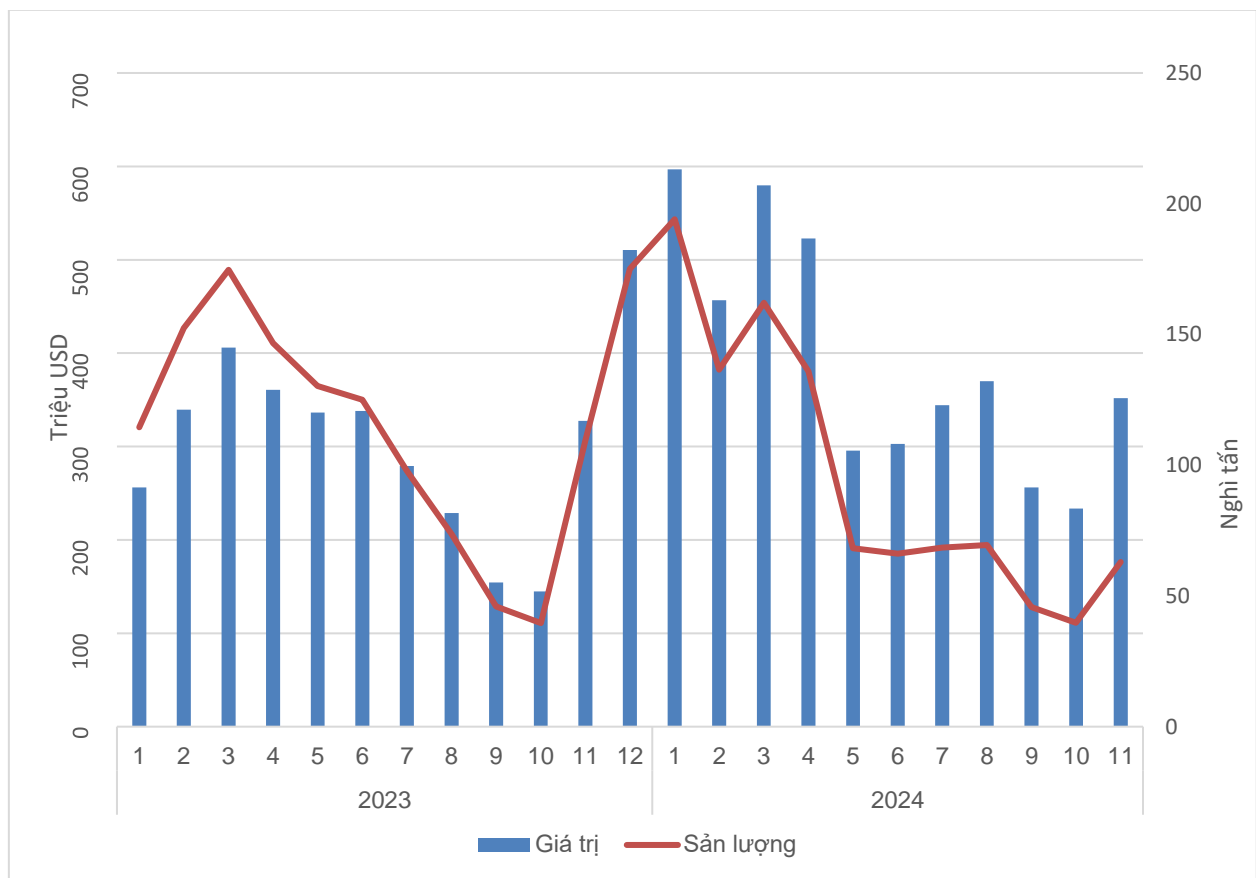


0,8% về trị giá so với tháng 10/2024; giảm 62,0% về lượng và giảm 26,5% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023.

Tính chung, 11 tháng năm 2024, xuất khẩu mặt hàng này ước đạt gần 1,20 triệu tấn, trị giá 4,84 tỷ USD, giảm 15,4% về lượng, nhưng tăng 32,8% về trị giá so với cùng kỳ năm 2023. Mặc dù lượng xuất khẩu giảm nhưng giá tăng mạnh nên kim ngạch xuất khẩu cà phê của Việt Nam hiện đã vượt cả năm 2023 và thiết lập mốc kỷ lục mới.

Cà phê là sản phẩm nông sản có giá tăng mạnh nhất trong số các mặt hàng xuất khẩu chủ lực của Việt Nam. Tháng 11/2024, giá bình quân cà phê xuất khẩu ước đạt 5.818 USD/tấn - mức cao nhất từ trước đến nay. Tính chung 11 tháng năm nay, giá bình quân cà phê xuất khẩu ước đạt 4.838 USD/tấn, tăng 56,9% so với cùng kỳ năm 2023.

Hình 22: Xuất khẩu cà phê theo lượng và kim ngạch

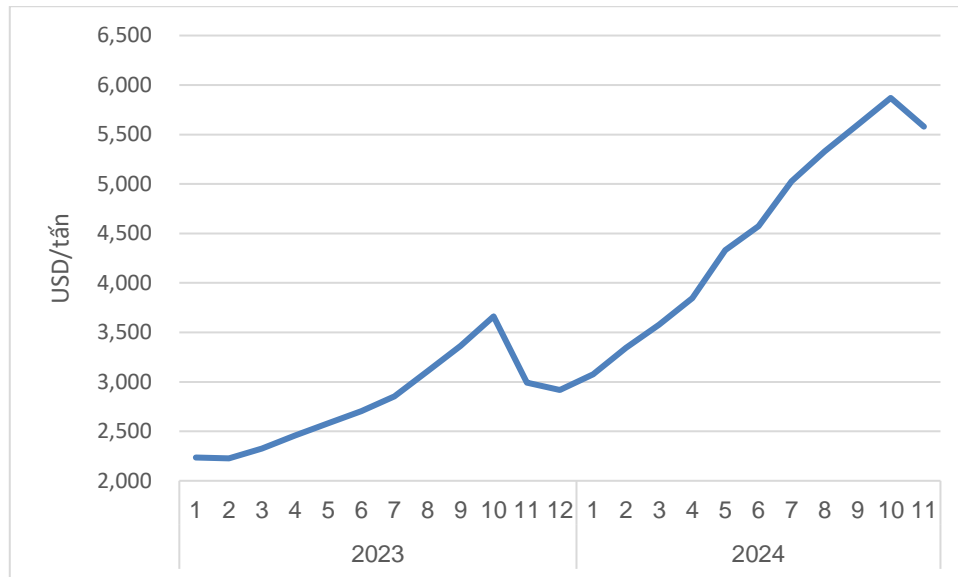


Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2023



Năm 2024, chứng kiến sự bùng nổ của giá cà phê trong nước và xuất khẩu. Đây cũng là yếu tố chính giúp cho ngành cà phê tiếp tục gia tăng giá trị kim ngạch xuất khẩu dù sản lượng sụt giảm.

Hình 23: Giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2023-2024



Nguồn: Tổng cục Hải quan, 2024

2.2.2. Tình hình xuất khẩu cà phê Việt Nam trong niên vụ 2023/2024

Theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam (VICOFCA), niên vụ 2023/2024 (từ tháng 10 năm 2023 đến tháng 9 năm 2024), Việt Nam đã xuất khẩu gần 1,45 triệu tấn cà phê, dự kiến thu về 5,32 tỉ USD giảm 12,7% về sản lượng nhưng tăng 30,4% về kim ngạch. Kim ngạch xuất khẩu cà phê niên vụ 2023/2024 cũng đạt mức kỷ lục của ngành này từ trước đến nay.

Xét theo từng loại cà phê xuất khẩu, Robusta là loại cà phê xuất khẩu chính tại Việt Nam với sản lượng xuất khẩu dự kiến gần 1,23 triệu tấn (14.10.2024) triệu tấn, kim ngạch 4,32 tỉ USD - giảm gần 18% về sản lượng nhưng tăng 24% về giá trị nhờ giá xuất khẩu tăng. Đáng chú ý, cà phê chế biến (rang xay và hòa tan) xuất khẩu được khoảng 130.150 tấn (chưa quy đổi ra cà phê nhân), kim ngạch 898 triệu USD - tăng 44,6% về khối lượng và tăng 76% về giá trị. Điều này cho thấy ngành cà phê đã có sự gia tăng sản phẩm chế biến sâu, nâng cao giá trị xuất khẩu bên cạnh việc xuất khẩu nguyên liệu.



Vụ cà phê mới 2024/2025 đã bắt đầu vụ thu hoạch, Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam dự kiến sản lượng vụ năm nay ở mức 1,47 triệu tấn, giảm mạnh so với vụ trước do thời tiết bất lợi, nhưng xuất khẩu có thể đạt 5 - 6 tỷ USD nhờ giá cao

Hình 24: Giá cà phê xuất khẩu của Việt Nam giai đoạn 2023-2024

| Loại cà phê | | Khối lượng (tấn) | Kim ngạch (USD) | Đơn giá (USD/tấn) |
|--------------------------------|--------------------|------------------|----------------------|-------------------|
| 1. Cà phê nhân | | 1,325,109 | 4,455,253,333 | 3,362 |
| Trong đó: | Robusta | 1,230,918 | 4,060,058,143 | 3,298 |
| | Arabica | 53,095 | 212,594,332 | 4,004 |
| | Nhân đã khử cafein | 36,661 | 172,138,936 | 4,695 |
| | Cà phê nhân khác | 4,434 | 10,461,923 | 2,359 |
| 2. Cà phê đã chế biến | | 127,543 | 971,332,478 | 7,616 |
| Tổng các loại cà phê XK | | 1,452,652 | 5,426,585,812 | 3,736 |

Nguồn: Hiệp hội Cà phê – Ca cao Việt Nam

Niên vụ cà phê 2023/2024 là một niên vụ có biến động giá cao và nhanh nhất trong các niên vụ cà phê từ trước đến nay. Nguồn hàng xuất khẩu đã thiếu từ cuối vụ 2022/2023. Giá cà phê tăng cao liên tục từ đầu vụ. Từ đầu tháng 9/2023 giá đã tăng 63.000 đ/kg.

Thời điểm cao nhất trong niên vụ, giá cà phê đạt ở mức 125.000 đ/kg. Vì vậy đây là một niên vụ gây nhiều khó khăn và rủi ro cho các doanh nghiệp xuất nhập khẩu trong việc thực hiện hợp đồng xuất nhập khẩu

2.2.3. Tình hình xuất khẩu của các doanh nghiệp trong niên vụ 2023/2024

Đối với cà phê nhân, niên vụ 2023/2024, 5 doanh nghiệp dẫn đầu về khối lượng xuất khẩu cà phê nhân sống trong niên vụ cà phê 2023/2024 là: TNHH Vĩnh Hiệp, Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Intimex, Công Ty TNHH Thương Mại Và Chế Biến LOUIS DREYFUS COMPANY Việt Nam, Công TY TNHH Tuấn Lộc COMMODITIE, Công Ty TNHH Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu 2-9 Đắc Lắc

Doanh nghiệp xuất khẩu cà phê nhân lớn nhất ở Việt Nam trong niên vụ này là Công ty TNHH Vĩnh Hiệp với giá trị hơn 520,4 triệu USD. Đứng thứ hai là cổ



phần tập đoàn Intimex đạt 407,2 triệu USD. Thứ ba là Công Ty TNHH Thương Mại Và Chế Biến LOUIS DREYFUS COMPANY Việt Nam với giá trị xuất khẩu đạt 333.18%.

Bảng 2: Top 10 doanh nghiệp xuất khẩu cà phê trong niên vụ 2023/2024

| STT | Mã DN | TÊN DOANH NGHIỆP | Kim ngạch (USD) |
|-----|---------------|--------------------------------------------------------------|-----------------|
| 1 | 5900315114 | Công TY TNHH Vĩnh Hiệp | 520,406,911 |
| 2 | 0304421306 | Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Intimex | 407,246,737 |
| 3 | 5900424466 | Công TY TNHH Thương Mại Và Chế Biến LOUIS DREYFUS | 333,318,638 |
| 4 | 3603655273 | Công TY TNHH Tuấn Lộc COMMODITIES | 298,161,581 |
| 5 | 6000234538 | Công Ty Tnhh Một Thành Viên Xuất Nhập Khẩu 2-9 Đắc Lắc | 284,885,592 |
| 6 | 3600235305 | Công TY TNHH Nestlé Việt NAM | 271,195,862 |
| 7 | 3701817839 | Công TY CỔ PHẦN INTIMEX Mỹ Phước | 214,378,478 |
| 8 | 6000346337 | Công TY Trách Nhiệm Hữu Hạn OLAM Việt NAM | 197,152,931 |
| 9 | 3603189255 | Công Ty TNHH VOLCAFE Việt Nam | 175,893,248 |
| 10 | 0302695710 | Công TY TNHH SUCAFINA Việt NAM | 171,754,198 |
| 11 | 3700364985 | Công TY TNHH NKG Việt NAM | 166,916,915 |
| 12 | 0302401061 | Công TY CỔ PHẦN Phúc SINH | 157,980,158 |
| 13 | 1100814540 | Công Ty Tnhh Cà Phê Outspan Việt Nam | 142,278,199 |
| 14 | 4200236666 | Công TY CỔ PHẦN MASCOPEX | 132,628,684 |
| 15 | 6000916516 | Công Ty TNHH Cà Phê Ngon | 120,356,898 |
| 16 | 0304324655006 | Chi Nhánh Công Ty Cổ Phần Tập Đoàn Trung Nguyên - Nhà Máy Cà | 114,282,870 |



| | | | |
|----|------------|----------------------------------------------------|-------------|
| 17 | 5800361029 | Công Ty TNHH Thương Phẩm Atlantic Việt Nam | 110,408,541 |
| 18 | 6000706357 | Công TY TNHH SUCDEN COFFEE Việt NAM | 106,851,028 |
| 19 | 5900943158 | Công Ty TNHH Xuất Nhập Khẩu Hoa Trang - Gia Lai | 105,130,160 |
| 20 | 0500440224 | Công Ty TNHH Sản Xuất Và Thương Mại Cát Quế | 101,170,912 |

Nguồn: Hiệp hội cà phê cao Việt Nam, 2024

Về thị trường xuất khẩu Đức vẫn duy trì là trường xuất khẩu lớn nhất của Việt Nam trong niên vụ 2023/2024, với khối lượng đạt 179 nghìn tấn với giá trị đạt 607,1 triệu USD. Tiếp đến là Ý với sản lượng đạt 127,7 nghìn tấn, trị giá 416,58 triệu USD.

| STT | Thị trường | Khối lượng (tấn) | Trị giá (USD) | Đơn giá (USD/tấn) |
|-----|-------------|---------------------|---------------|----------------------|
| 1 | Đức | 179,006 | 607,108,728 | 3,392 |
| 2 | Italy | 127,724 | 416,586,671 | 3,262 |
| 3 | Nhật Bản | 106,900 | 413,317,855 | 3,866 |
| 4 | Tây Ban Nha | 105,386 | 412,607,165 | 3,915 |
| 5 | Hoa Kỳ | 90,887 | 308,572,846 | 3,395 |
| 6 | Nga | 77,952 | 297,462,485 | 3,816 |
| 7 | Philippines | 61,133 | 270,442,408 | 4,424 |
| 8 | Trung Quốc | 53,977 | 224,850,889 | 4,166 |
| 9 | Indonesia | 52,825 | 221,710,300 | 4,197 |
| 10 | Hà Lan | 48,690 | 184,804,567 | 3,796 |
| 11 | Algeria | 45,990 | 142,231,443 | 3,093 |
| 12 | Thái Lan | 44,995 | 171,739,009 | 3,817 |
| 13 | Hàn Quốc | 44,045 | 144,850,742 | 3,289 |
| 14 | Bỉ | 43,275 | 150,508,248 | 3,478 |
| 15 | Malaysia | 34,227 | 141,859,897 | 4,145 |

Nguồn: Hiệp hội cà phê cao Việt Nam, 2024

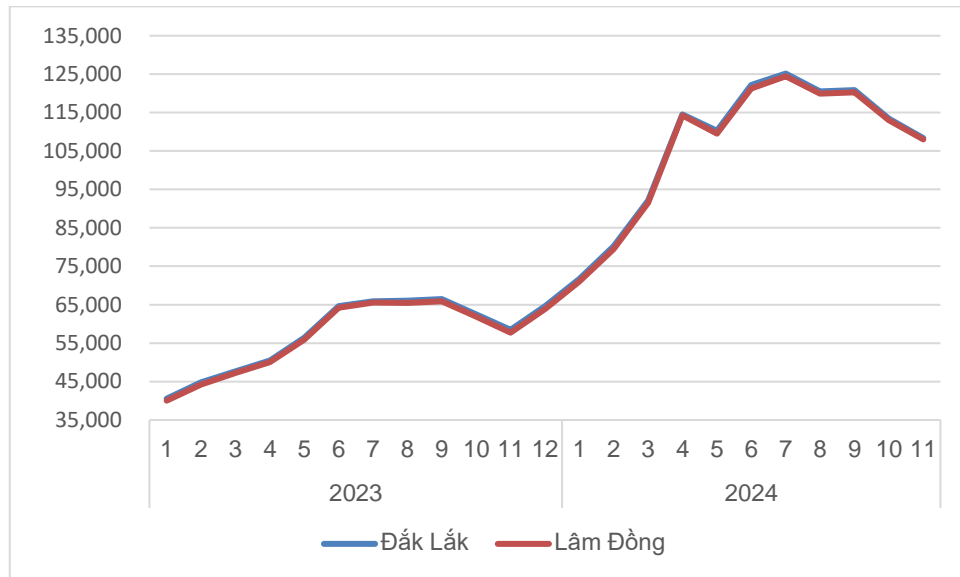
2.3. Diễn biến giá cả

Năm 2024, giá cà phê Robusta trong nước biến động mạnh. Giá cà phê trong nước liên tục tạo đỉnh mới do nguồn cung trong nước thấp và nhu cầu tiêu thụ tăng cao. Tháng 11/2024, giá cà phê nhân xô bình quân tại Đắk Lắk đạt 108.333 VNĐ/kg



tăng 85,3% so với cùng kỳ năm trước. Giá cà phê nhân xô tại Lâm Đồng đạt 108.009 VNĐ/kg 87,2% so với tháng 11/2023

Hình 25: Biến động giá cà phê nhân xô thu mua của một số thị trường trong nước



Nguồn: CTV AgroInfo

2.4. Tổng quan chính sách cà phê

2.4.1. Các chính sách hỗ trợ hoạt động sản xuất chế biến cà phê

Ngày 26/01/2024, Bộ Nông nghiệp và PTNT ban hành Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030 (cà phê, cao su, chè, điều, hồ tiêu, dừa); nhằm góp phần nâng cao giá trị kim ngạch xuất khẩu ngành nông lâm thủy sản, hiệu quả sản xuất, đời sống dân cư nông thôn và bảo vệ môi trường

a. Sản xuất

Đến năm 2030, diện tích cà phê cả nước khoảng 640-660 nghìn ha; trong đó, vùng Tây Nguyên khoảng 600 nghìn ha, còn lại 40-60 nghìn ha được trồng tại các tỉnh: Bình Phước, Đồng Nai, Bà Rịa-Vũng Tàu, Sơn La, Quảng Trị, Bình Thuận... Cơ cấu diện tích cà phê với khoảng 90-92%, cà phê chè khoảng 8-10%; cà phê chè được trồng tại một số tỉnh: Quảng Trị, Sơn La, Điện Biên, Lâm Đồng, Kon Tum...



Phát triển vùng trồng cà phê theo hướng canh quan; những nơi có điều kiện thuận lợi, kết hợp vùng trồng cà phê với phát triển văn hóa, du lịch, dịch vụ... Rà soát diện tích cà phê trồng ở những nơi không thích hợp, năng suất thấp chuyển đổi sang cây trồng khác hiệu quả cao hơn. Tiếp tục trồng tái canh, ghép cải tạo diện tích cà phê già cỗi, năng suất thấp bằng các giống mới năng suất, chất lượng cao, kháng sâu bệnh...; đến năm 2030, 80-90% diện tích cà phê trồng mới được sử dụng giống đúng tiêu chuẩn. Diện tích cà phê sản xuất theo hướng hữu cơ đạt khoảng 2%, cà phê đặc sản khoảng 3%, diện tích cà phê đạt các tiêu chuẩn sản xuất (RA, 4C, Flo, C.A.F.E. Practices...) khoảng 35-40%; trên 70% diện tích cà phê được cấp mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc sản phẩm.

b. Chế biến

Tỷ lệ thu hái cà phê đúng độ chín, đạt tiêu chuẩn chất lượng khoảng 80-90%. Hạt cà phê cần được đảm bảo sạch trong tất cả các khâu: thu hái, phơi sấy, sơ chế, bảo quản, cung cấp cà phê nguyên liệu... để đảm bảo chất lượng sản phẩm, đáp ứng nhu cầu thị trường.

Khuyến khích đầu tư các nhà máy sử dụng công nghệ mới, hiện đại chế biến cà phê rang xay, cà phê hòa tan. Đến năm 2030, sản lượng cà phê chế biến sâu đạt khoảng 20-25% tổng sản lượng cà phê cả nước. Khối lượng cà phê xuất khẩu đến năm 2030 đạt khoảng 80-85% tổng sản lượng cà phê cả nước; trong đó, cà phê rang xay chiếm khoảng 5-6%, cà phê hòa tan từ 19-20%..



MỤC TIÊU ĐẾN NĂM 2030

LƯỢNG CÀ PHÊ XUẤT KHẨU CHIẾM 80-85% TỔNG SẢN LƯỢNG CÀ PHÊ CẢ NƯỚC

(Theo Quyết định số 431/QĐ-BNN-TT ngày 26/01/2024 phê duyệt Đề án phát triển cây công nghiệp chủ lực đến năm 2030)

VỀ SẢN XUẤT

Diện tích cà phê cả nước

640-660 nghìn ha



Các vùng khác

40-60 nghìn ha

Cơ cấu diện tích



Diện tích cà phê được cấp mã số vùng trồng truy xuất nguồn gốc sản phẩm

>70%



Sản lượng

Sản lượng cà phê nhân

1,8-2 triệu tấn



Chế biến

Sản lượng cà phê chế biến sâu

20-25%

Xuất khẩu

Khối lượng cà phê xuất khẩu

80-85%



<https://infographics.vn/>





2.4.2. Một số chính sách của các thị trường xuất khẩu

Chính sách EU Deforestation Regulation (EUDR), được Liên minh Châu Âu ban hành nhằm giảm thiểu tác động tiêu cực của việc phá rừng, có ảnh hưởng trực tiếp đến ngành cà phê toàn cầu. Theo quy định này, tất cả các sản phẩm nông sản xuất khẩu vào EU, bao gồm cà phê, đều phải chứng minh rõ ràng nguồn gốc và đảm bảo rằng chúng không được sản xuất từ các khu vực rừng bị phá. Các nhà xuất khẩu cà phê phải cung cấp các chứng nhận minh bạch, chẳng hạn như chứng nhận từ các tổ chức bền vững như Rainforest Alliance hoặc Fair Trade, để xác nhận rằng sản phẩm của họ không liên quan đến khai thác rừng trái phép. Nếu không tuân thủ các yêu cầu này, EU sẽ áp dụng các biện pháp trừng phạt, bao gồm cấm nhập khẩu hoặc yêu cầu thay đổi quy trình sản xuất. Mặt khác, chính sách này khuyến khích các quốc gia sản xuất cà phê áp dụng các phương pháp canh tác bền vững, không phá rừng, qua đó bảo vệ hệ sinh thái rừng nhiệt đới. Các sáng kiến hỗ trợ và tài trợ quốc tế cũng được EU triển khai để giúp các quốc gia sản xuất cà phê, bao gồm Việt Nam, chuyển đổi sang mô hình canh tác thân thiện với môi trường. Do đó, mặc dù EU Deforestation Regulation đặt ra những yêu cầu khắt khe, nhưng đồng thời cũng tạo ra cơ hội cho ngành cà phê phát triển theo hướng bền vững, nâng cao giá trị sản phẩm và mở rộng khả năng xuất khẩu vào thị trường EU. sẽ có hiệu lực sau khi được các nước thành viên thông qua.

Thách thức về truy xuất nguồn gốc với ngành hàng cà phê Việt Nam khi áp dụng EUDR

Quy định EUDR yêu cầu 100% sản phẩm cà phê vào châu Âu phải được truy xuất nguồn gốc rõ ràng, phải có tọa độ/polygon GPS của từng vườn sản xuất. Dựa trên các công cụ giám sát, nếu phát hiện có tình trạng mất/suy thoái rừng, thì lô hàng đó sẽ phải đối mặt với việc thu hồi, hoàn trả.

Theo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, khó khăn lớn nhất hiện nay là việc truy xuất nguồn gốc. Song việc truy xuất nguồn gốc đến tận vườn nhỏ của từng nông hộ sẽ gặp rất nhiều khó khăn. EU là thị trường lớn, nếu không thực hiện tốt EUDR sẽ ảnh hưởng tới xuất khẩu.



Ngoài ra, để đáp ứng các quy định của EUDR, các nhà sản xuất cà phê Việt Nam cần phải gia tăng mức đầu tư để thực hiện các phương pháp sản xuất bền vững, xây dựng và triển khai hệ thống truy xuất, quản lý dữ liệu vườn trồng, cũng như thực hiện các hoạt động giám sát và giảm thiểu rủi ro... Điều này sẽ dẫn đến gia tăng chi phí sản xuất, ảnh hưởng đến sự cạnh tranh của sản phẩm cà phê trên thị trường xuất khẩu, ông Bùi Đức Hòa- Điều phối viên Chương trình Cảnh quan và Cà phê tại khu vực Tây Nguyên (Tổ chức Sáng kiến Thương mại Bền vững - IDH) chia sẻ thêm.

Cơ hội nâng cao thị phần cà phê tại EU khi áp dụng quy định EUDR

Để xuất khẩu cà phê sang thị trường EU, thì việc áp dụng quy định EUDR là điều kiện bắt buộc, cà phê vào thị trường EU đều cần có thông tin định vị (GPS) đến từng vườn. Dựa trên đó xác nhận về quy cơ gây mất rừng bằng các hệ thống giám sát viễn thám, không có trường hợp miễn trừ. Nếu thực hiện tốt quy định thì đây là cơ hội để nâng thị phần cà phê và giá trị tại EU, đồng thời cũng thể hiện trách nhiệm của ngành cà phê Việt Nam với môi trường.

Nếu thực hiện theo quy định EUDR thì đây là cơ hội lớn để mở rộng vùng nguyên liệu cà phê hữu cơ, đây là bước đệm quan trọng để nâng cao chất lượng cà phê và mở rộng cơ hội xuất khẩu.

Hộ nông dân đơn lẻ chỉ có thể tham gia các HTX thì sẽ thuận lợi trong đáp ứng các quy định khắt khe trong EUDR

Một điều có thể nhận ra là đối với quy định EUDR, để có thể truy xuất được nguồn gốc hàng hóa nghiêm ngặt khi sản xuất trên đất rừng, bắt buộc người sản xuất phải sản xuất theo quy trình có chứng nhận và theo chuỗi giá trị hàng hóa. Để làm được điều này, các chuyên gia cho rằng hộ nông dân đơn lẻ chỉ có thể tham gia các hợp tác xã (HTX) thì mới thuận lợi trong đáp ứng các quy định khắt khe trong EUDR và tuân thủ pháp luật của chính quốc gia đó.

Đây là phương án tối ưu để phát huy vai trò của nông dân trong liên kết để xây dựng và thực hiện chuỗi giá trị hàng hóa, qua đó họ có thể tham gia trực tiếp hơn vào chuỗi cung ứng. Điều này bảo đảm sự công bằng về giá cả cho họ vì khi làm thành viên HTX và thực hiện đóng góp vốn, chắc chắn họ sẽ được hưởng những lợi thế trong thu mua so với những nông hộ nằm ngoài HTX.



Và HTX là một đơn vị kinh tế tập thể có tư cách pháp nhân, có nội quy, quy định rõ ràng trong sản xuất. Điều này sẽ giúp phát triển một chuỗi giá trị có khả năng truy xuất nguồn gốc và minh bạch hơn, từ đó có thể hỗ trợ chính những nông dân này tiếp cận những thị trường mới và tập trung hơn vào sản xuất sản phẩm theo hướng bền vững.

Khi hộ cá thể vào HTX và chú trọng vào sản xuất bền vững, họ có thể hưởng lợi từ các hoạt động hỗ trợ kỹ thuật và tăng cường năng lực thông qua quá trình làm việc và trao đổi thông tin với các đối tác kinh doanh.

III. TRIỂN VỌNG CÀ PHÊ NĂM 2025

3.1. Thị trường thế giới

3.1.1. Nhu cầu tiêu thụ

Dịch Covid-19 đã tạo ra tác động đáng kể đối với nền kinh tế toàn cầu, dẫn đến suy thoái kinh tế ở nhiều quốc gia, đặc biệt là ở các nền kinh tế lớn như Châu Âu, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản. Trong bối cảnh này, nhu cầu tiêu thụ cà phê Robusta đã tăng lên, trong khi nhu cầu cho cà phê Arabica đã giảm. Các quốc gia đang phải đối mặt với khó khăn kinh tế đã khiến người tiêu dùng chuyển hướng đến các sản phẩm cà phê Robusta, có giá thành thấp hơn so với cà phê Arabica. Thực tế, cà phê Robusta thường được xem là một lựa chọn kinh tế hơn và phổ biến hơn trong thời kỳ khó khăn kinh tế. Đặc tính mạnh mẽ và đậm đà của cà phê Robusta có thể đáp ứng nhu cầu của những người tiêu dùng.

Tuy nhiên, giai đoạn 2024-2029, tiêu thụ cà phê trên thế giới được dự báo tăng trưởng trở lại. Theo mordorintelligence, thị trường cà phê cà phê thế giới sẽ đạt 132,13 tỷ USD trong năm 2024 và dự kiến sẽ đạt 166,39 tỷ USD vào năm 2029, tốc độ tăng trưởng bình quân (CAGR) đạt 4,72%. Thị trường cà phê tăng do văn hóa sử dụng cà phê đang trở thành xu hướng phổ biến của giới trẻ, đặc biệt tại các thị trường Ấn Độ, Ý, Hoa Kỳ, Trung Quốc, Nhật Bản và Philippines. Bên cạnh đó, các lợi ích của cà phê mang lại cho sức khỏe như giảm nguy cơ tiểu đường, hỗ trợ giảm béo phì cũng là lý do dẫn đến nhu cầu tiêu thụ cà phê trên thế giới tăng trong giai đoạn này.



Thị trường Châu Á, theo statista, doanh thị thị trường cà phê thị trường này ước đạt 24,7 tỷ USD năm 2024 và tốc độ tăng trưởng bình quân dự kiến đạt 5,42% đạt 2024-2028, đạt khoảng 11 tỷ USD. Khối lượng tiêu thụ bình quân trên đầu người dự kiến sẽ đạt 0,28kg vào năm 2024. Trong đó, nhu cầu tiêu thụ cà phê tan chiếm khoảng 33% tổng giá trị tiêu thụ, cà phê rang xay chiếm khoảng 77%.

Thị trường Châu Âu, dự kiến năm 2024 giá trị tiêu thụ cà phê đạt 36,6 tỷ USD, giá trị tăng trưởng giai đoạn 2024-2028 là 4,31%, sản lượng tiêu thụ bình quân đầu người đạt 2,27 kg năm 2024. Cà phê rang xay là sản phẩm tiêu thụ chủ yếu tại thị trường này, chiếm khoảng hơn 80% tổng giá trị tiêu thụ.

Thị trường Hoa Kỳ, Dự kiến giá trị tiêu thụ cà phê tại thị trường này trong năm 2024 dự kiến đạt 11 tỷ USD, tốc độ tăng trưởng bình quân đạt 1,05% trong giai đoạn 2024-2028. Cà phê rang xay là sản phẩm tiêu thụ chính tại thị trường này, chiếm hơn 90% tổng sản lượng tiêu thụ

3.1.2. Xu hướng phát triển của các kênh phân phối

Cà phê cũng giống như các mặt hàng nông sản khác trên thế giới đã và đang chịu nhiều tác động từ chuyển đổi số, hệ thống kênh phân phối chính vì vậy cũng có nhiều thay đổi. Nhu cầu của người tiêu dùng ngày càng cao và họ đều mong muốn được tiếp xúc với các kênh phân phối đại hơn, cao cấp hơn, đảm bảo chất lượng cho những hàng hóa mà họ lựa chọn. Trong tương lai, một số xu hướng tiềm năng như sau:

Cà phê trực tuyến: Với sự phát triển của thương mại điện tử, việc mua bán cà phê trực tuyến có thể sẽ trở thành một xu hướng phổ biến. Các doanh nghiệp có thể tận dụng các nền tảng thương mại điện tử để tiếp cận người tiêu dùng trực tiếp, giảm bớt sự phụ thuộc vào các kênh truyền thống như cửa hàng bán lẻ.

Cà phê cộng đồng và chuỗi giá trị ngắn: Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến nguồn gốc và cách sản xuất của cà phê. Do đó, việc tăng cường các kênh phân phối địa phương và chuỗi giá trị ngắn có thể trở thành một xu hướng, trong đó cà phê được sản xuất và tiêu thụ trong cùng một cộng đồng.



Cà phê bền vững và đảm bảo công bằng xã hội: Người tiêu dùng ngày càng quan tâm đến việc cà phê được sản xuất và phân phối theo cách bền vững và công bằng. Do đó, các kênh phân phối có thể tập trung vào việc cung cấp cà phê từ các nguồn cung cấp được chứng nhận bền vững...

3.1.3. Xu hướng loại sản phẩm, hàng hóa chất lượng

Ngành hành cà phê đang phát triển liên tục và các nhà sản xuất lớn trên thế giới luôn tìm sáng tạo khác nhau để nâng cao chất lượng sản phẩm và đảm bảo đáp ứng nhu cầu của người tiêu dùng. Cà phê hữu cơ và cà phê chất lượng cao sẽ là xu hướng tiêu dùng của thế giới trong thời gian tới. Theo mordorintelligence, Thị trường Cà phê Hữu cơ toàn cầu, có giá trị 8,9 tỷ USD vào năm 2022, dự kiến sẽ đạt giá trị 28,8 tỷ USD vào năm 2030 với tốc độ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 12,56% trong giai đoạn 2024-2029. Cà phê hữu cơ là sản phẩm không tích hợp các chất hóa học nhân tạo trong quá trình sản xuất, bao gồm các phụ gia và thuốc trừ sâu, thuốc diệt cỏ thường được sử dụng trong sản xuất cà phê thông thường. Thị trường Cà phê Hữu cơ toàn cầu dự kiến sẽ tăng trưởng mạnh mẽ trong giai đoạn dự báo do sự gia tăng tiêu thụ sản phẩm hữu cơ và sức khỏe, cũng như sự nhận thức gia tăng về lợi ích sức khỏe.

Ngoài xu hướng tăng tiêu thụ các loại cà phê chất lượng cao, cà phê hữu cơ, xu hướng tiêu thụ cà phê của người tiêu dùng cũng đang hướng đến các sản phẩm cà phê độc đáo và bảo vệ môi trường. Theo phân tích F&B toàn cầu, dưới đây là 6 xu hướng hot nhất trong ngành cà phê :

+ Cà phê được trồng theo các chứng chỉ bền vững: Cà phê bền vững là loại cà phê được trồng và khai thác mà không làm hại đến môi trường tự nhiên, đồng thời mang lại công bằng cho những người sản xuất hoặc lao động tham gia vào quá trình sản xuất. Những vấn đề này ngày càng được người tiêu dùng quan tâm hướng đến mục đích bảo vệ môi trường và phát triển bền vững.

+ Cà phê pha lạnh: Ngày càng có nhiều người yêu thích cảm giác của cà phê lạnh hơn cà phê nóng. Với sự thịnh hành của cold brew, có vẻ như khẩu vị người tiêu dùng đang trải qua sự thay đổi, không còn ưa chuộng cà phê nóng như trước. Đặc biệt tại Mỹ, doanh số bán cà phê lạnh đã tăng vọt trong vài năm qua. Thời tiết là một trong những nguyên nhân chính tạo nên xu hướng này. Trong quá khứ, vào



mùa nóng, khách hàng thường chuyển từ cà phê sang đồ uống lạnh. Nhưng hiện nay, nhu cầu cho cold brew và các lựa chọn cà phê pha lạnh đã tăng đáng kể. Biến đổi khí hậu đang làm tăng nhiệt độ trung bình toàn cầu, kéo theo mùa nắng nóng kéo dài và thay đổi khẩu vị uống cà phê của mọi người.

+ Bảo vệ môi trường & lan tỏa giá trị xã hội: Thống kê gần đây chỉ ra rằng đa số khách hàng ưa chuộng thương hiệu có tầm nhìn xanh, hỗ trợ môi trường và xã hội. Nhiều doanh nghiệp nhanh chóng điều chỉnh chiến lược kinh doanh và tiếp thị, mang đến sản phẩm và dịch vụ thân thiện với môi trường. Ngành công nghiệp cà phê cũng đang chịu ảnh hưởng của xu hướng này. Cụ thể, nhiều khách hàng bày tỏ mong muốn thưởng thức cà phê pha chế từ sữa thực vật (đậu nành, hạnh nhân, lúa mạch) thay vì sữa động vật như trước đây.

3.2. Thị trường Việt Nam

Theo Hiệp hội Cà phê - Ca cao Việt Nam (Vicofa), sản lượng cà phê tiêu thụ nội địa chiếm khoảng 10% sản lượng sản xuất của Việt Nam và sản lượng xuất khẩu chiếm 90%.

Tiêu thụ bình quân đầu người tăng từ 1,7kg cà phê năm 2015 lên 2,2kg trong năm 2022. Theo đó, lượng cà phê tiêu thụ trong nước và cung ứng cho các nhà máy chế biến sâu trong năm 2022 đạt xấp xỉ 220.000 tấn, chiếm khoảng 11,3% tổng sản lượng cà phê của cả nước, tăng đáng kể so với mức 5%-7% của các năm trước. Tiêu thụ cà phê trong nước tăng do thị trường cà phê trong nước đã xuất hiện nhiều thương hiệu và chuỗi cung ứng cà phê chất lượng cao trong nước và trên thế giới có thể kể đến Highlands Coffee, The Coffee House, Trung Nguyên Legend, Ông Bầu, Napoli, Phúc Long, Cộng, Katinat, Passio, Starbucks, Amazon, Wayne's...

Dự báo cho giai đoạn 2025-2030, tốc độ tăng trưởng tiêu thụ nội địa dự kiến đạt khoảng 6,6% mỗi năm. Đến năm 2025, tiêu thụ nội địa dự kiến sẽ đạt từ 270.000 đến 300.000 tấn mỗi năm. Theo báo cáo của công ty nghiên cứu thị trường Euromonitor, thị trường cà phê Việt Nam ước đạt 15.837 tỷ đồng vào năm 2027. Những yếu tố thúc đẩy phát triển thị trường cà phê trong nước bao gồm dân số đông, dân số trẻ và văn hóa uống cà phê gia tăng.



Việt Nam đang phát triển thành một nền văn hóa tiêu thụ cà phê cao. Theo Hiệp hội Cà phê và Ca cao Việt Nam (VICOFA), mức tiêu thụ cà phê bình quân đầu người đã tăng từ 1,7 kg vào năm 2015 lên gần 3 kg vào năm 2023. Tiêu thụ cà phê trong nước dự báo sẽ tăng trưởng với tỷ lệ bình quân hàng năm là 6,6% trong giai đoạn từ 2025 đến 2030. Tiêu thụ cà phê trong nước được kỳ vọng sẽ đạt từ 270.000 đến 300.000 tấn vào năm 2025, mang lại những cơ hội đáng kể cho ngành cà phê trong nước và các quán cà phê địa phương.

Euromonitor ước tính thị trường cà phê Việt Nam có giá trị 460 triệu USD vào năm 2023 và dự báo sẽ đạt 490 triệu USD vào năm 2024. Ngành cà phê được kỳ vọng sẽ tăng trưởng với tỷ lệ tăng trưởng kép hàng năm (CAGR) là 7,6% trong những năm tới, vượt qua 660 triệu USD vào năm 2028. Thị trường cà phê hòa tan vẫn là một lĩnh vực đầy triển vọng tại Việt Nam, với sự cạnh tranh gay gắt giữa các nhà sản xuất, nhà nhập khẩu và nhà phân phối. Mordor Intelligence dự báo thị trường cà phê sẽ mở rộng nhanh chóng hơn nữa, đạt 706 triệu USD vào năm 2028.

Có sự quan tâm mạnh mẽ từ quốc tế đối với ngành cà phê Việt Nam. Công ty Food Empire của Singapore đã công bố vào tháng 9 năm nay rằng họ sẽ đầu tư 80 triệu USD để xây dựng một nhà máy sản xuất cà phê hòa tan đông lạnh mới tại tỉnh Bình Định, Việt Nam. Nhà máy này sẽ có công suất chế biến 5.400 tấn cà phê hòa tan mỗi năm, góp phần hỗ trợ sự phát triển của ngành cà phê Việt Nam. Các mối quan hệ thương mại ghi nhận sự mở rộng nhanh chóng của các sản phẩm chế biến sẵn, đặc biệt là cà phê hòa tan, cả trong nước và quốc tế.

Dựa trên những xu hướng và báo cáo này, USDA dự báo tiêu thụ trong nước cho niên vụ 2024/25 lên 4 triệu bao (GBE).

**Bản tin được tổng hợp từ các nguồn:**

- | | |
|------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------|
| [1]. The ICE | http://theice.com |
| [2]. Bộ Nông nghiệp Hoa Kỳ | https://www.usda.gov |
| [3]. Comunicaffe | https://www.comunicaffe.com |
| [4]. CNBC | https://www.CNBC.com |
| [5]. Tạp chí Kinh tế Việt Nam | https://www.vneconomy.vn |
| [6]. Hải Quan Việt Nam | https://www.customs.vn |
| [7]. Bộ Nông nghiệp & PTNT | http://www.mard.gov.vn |
| [8]. Vietnambiz | http://vietnambiz.vn |
| [9]. CTV tổng hợp giá cà phê và tin cà phê tại địa phương; | |
| [10]. Trung tâm thông tin – Agroinfo | http://agro.gov.vn |

Báo cáo được thực hiện bởi **AGRO**  **INFO**

VIỆN CHÍNH SÁCH VÀ CHIẾN LƯỢC PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

TRUNG TÂM THÔNG TIN PHÁT TRIỂN NÔNG NGHIỆP NÔNG THÔN

Địa chỉ: 16 Thụy Khuê, Tây Hồ, Hà Nội

Email: info@agro.gov.vn

Website: www.agro.gov.vn